

LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ XÃ ĐÔNG VIÊN
(1947-2014)



**ĐẢNG BỘ HUYỆN CHỢ ĐỒN
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ XÃ ĐÔNG VIÊN**

**LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ XÃ ĐÔNG VIÊN
(1947-2014)**

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

TRƯỜNG
ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
(1947-2014)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI



CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH (1890-1969)
Người sáng lập và rèn luyện Đảng Cộng sản Việt Nam



BAN CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN

Nguyễn Đức Khiêm

Bí thư Đảng ủy - Trưởng ban

Nông Quốc Huấn

Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND - Phó ban

Ma Thị Liệu

Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy - Ủy viên

Nông Văn Đồi

Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân - Ủy viên

Phan Thị Duyên

Văn phòng Thống kê - Ủy viên

Nguyễn Thị Len

Kế toán Tài chính xã - Ủy viên

BAN SỬU TÂM TƯ LIỆU

Nguyễn Đức Khiêm

Bí thư Đảng ủy - Trưởng ban

Ma Thị Liệu

Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy - Phó ban Thường trực

Nông Quốc Huấn

Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND - Phó ban

Nông Văn Đồi

Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân - Ủy viên

Phan Thị Duyên

Văn phòng Thống kê - Ủy viên

Nguyễn Thị Len

Kế toán Tài chính xã - Ủy viên

Dương Xuân Hào

Phụ trách công tác Dân vận Đảng ủy - Ủy viên

Nguyễn Đức Thăng

Nguyên Bí thư Đảng ủy xã - Ủy viên

Phan Văn Hiên

Nguyên Bí thư Đảng ủy xã - Ủy viên

BAN NGHIÊN CỨU BIÊN SOẠN

Nhà báo: **Nguyễn Ngọc Hạnh**

Thạc sỹ: **Nguyễn Mạnh Quỳnh**

Cử nhân Lịch sử: **Hà Thị Minh Trang**



LỜI NÓI ĐẦU

Đông Viên là một trong 22 đơn vị hành chính của huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. Nhân dân các dân tộc Đông Viên có truyền thống cần cù trong lao động, kiên cường trong đấu tranh, luôn đoàn kết cùng nhau xây dựng quê hương. Dưới ánh sáng của Đảng, phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân ngày càng phát triển, góp phần vào thắng lợi chung của cả nước.

Mùa xuân năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã tạo nên một bước ngoặt lớn đối với phong trào giải phóng dân tộc của nhân dân ta. Trong thời kỳ vận động chuẩn bị cho Cách mạng tháng Tám (1930-1945), nhân dân các dân tộc Đông Viên sát cánh cùng nhân dân Chợ Đồn bảo vệ, nuôi giấu nhiều cơ sở cách mạng của Trung ương, trở thành an toàn khu kháng chiến. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân Đông Viên đã tích cực tham gia các tổ chức cách mạng, cùng với nhân dân cả nước làm nên cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945 vĩ đại, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Tháng 11-1947, Chi bộ lâm thời xã Đông Viên - tiền thân của Đảng bộ xã Đông Viên ngày nay được thành lập, đồng chí Triệu Đình Tần được chỉ định làm Bí thư Chi bộ lâm thời. Đến năm 1948, Chi bộ Đảng Đông Viên chính thức được thành lập, đồng chí Nguyễn Đức Thái được chỉ

định làm Bí thư Chi bộ. Năm 1953, thực hiện chủ trương của cấp trên, 3 xã: Đông Viên, Rã Bản, Đại Sào được sáp nhập thành xã Đồng Thắng, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Chi bộ Đảng xã Đồng Thắng. Năm 1957, xã Đồng Thắng được tách làm 3 xã, Đông Viên vẫn được gọi tên là Đồng Thắng. Năm 1963, Đảng bộ Đồng Thắng được thành lập đã lãnh đạo nhân dân trong xã tham gia tích cực vào sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ cứu nước giải phóng dân tộc. Sự ra đời của Đảng bộ xã Đồng Thắng đánh dấu bước trưởng thành trong công tác xây dựng Đảng của xã. Từ đây, Đảng bộ xã có thêm sức mạnh mới để hoàn thành tốt những mục tiêu đề ra. Năm 1964, xã Đồng Thắng trở lại tên gọi cũ là Đông Viên và ổn định cho đến ngày nay.

Từ sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, bước sang giai đoạn cách mạng mới, dưới ánh sáng đường lối đổi mới của Đảng, đặc biệt trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Đông Viên đã khắc phục mọi khó khăn, tiếp tục phát huy truyền thống quê hương anh hùng, truyền thống tốt đẹp trong lao động sản xuất, năng động, sáng tạo, chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu kinh tế, tạo lập mô hình, điển hình, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội... đưa quê hương từng ngày “thay da đổi thịt”, vươn lên hòa chung cùng nhịp độ phát triển của đất nước.

Lịch sử là một dòng chảy liên tục, có tính kế thừa và phát triển tiếp nối từ quá khứ đến hiện tại. Tìm hiểu về quá khứ, ôn lại truyền thống, để rút ra những bài học kinh nghiệm cho hôm nay và mai sau là một việc làm

có ý nghĩa. Điều đó thể hiện tinh thần “Uống nước nhớ nguồn”, tri ân và trân trọng những thành quả mà thế hệ cha anh đi trước đã làm nên. Thực hiện Chỉ thị 15-CT/TW (ngày 28-8-2002) của Ban Bí thư Trung ương Đảng và chủ trương của Tỉnh ủy Bắc Kạn, Huyện ủy Chợ Đồn về việc đẩy mạnh công tác nghiên cứu, sưu tầm, biên soạn Lịch sử Đảng bộ và giáo dục truyền thống cách mạng, Ban Chấp hành Đảng bộ xã Đông Viên khóa XIX nhiệm kỳ 2010-2015 đã ra Nghị quyết về việc tổ chức sưu tầm, nghiên cứu, biên soạn và xuất bản cuốn: **“Lịch sử Đảng bộ xã Đông Viên 1947-2014”**.

Nội dung cuốn sách ghi lại trung thực chặng đường lịch sử gian khổ, khó khăn nhưng cũng nhiều vẻ vang với những thành tựu to lớn đã đạt được trong suốt gần một thế kỷ của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Đông Viên. Cuốn sách được xuất bản có ý nghĩa quan trọng trong công tác chính trị, tư tưởng của Đảng bộ, giúp cho cán bộ, đảng viên và nhân dân hiểu rõ các giá trị truyền thống, đồng thời rút ra các bài học kinh nghiệm có tác dụng nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng.

Quá trình sưu tầm, biên soạn cuốn sách, Ban Chấp hành Đảng bộ xã và Ban nghiên cứu, biên soạn đã nhận được nhiều ý kiến đóng góp và cung cấp tư liệu quý báu của các đồng chí đảng viên lão thành cách mạng, các cán bộ đảng viên và nhân dân trong xã. Đảng bộ xã cũng đã nhận được sự quan tâm, chỉ đạo chặt chẽ của Ban Thường vụ, Ban Tuyên giáo Huyện ủy Chợ Đồn để công trình được hoàn thiện.

Trong quá trình tổ chức biên soạn, mặc dù đã có nhiều cố gắng, nhưng do yếu tố thời gian, biến động của lịch sử, nguồn tư liệu thành văn bị thất lạc, các nhân chứng lịch sử không còn nhiều, nên cuốn sách không tránh khỏi những thiếu sót, hạn chế. Do vậy, Ban Chấp hành Đảng bộ xã Đông Viên rất mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc gần xa để khi có điều kiện tái bản cuốn sách sẽ được hoàn thiện hơn.

Nhân dịp xuất bản cuốn lịch sử, Ban Chấp hành Đảng bộ xã xin chân thành cảm ơn các đồng chí lão thành cách mạng, cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xã đã đóng góp nhiều ý kiến tâm huyết để cuốn lịch sử được xuất bản.

T/M BCH ĐẢNG BỘ XÃ ĐÔNG VIÊN
Bí thư - Trưởng ban chỉ đạo

NGUYỄN ĐỨC KHIÊM





Chương I

ĐÔNG VIÊN - VÙNG ĐẤT, CON NGƯỜI VÀ TRUYỀN THỐNG LỊCH SỬ VĂN HÓA

I. KHÁI LƯỢC VÙNG ĐẤT, CON NGƯỜI ĐÔNG VIÊN

1. Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên

Đông Viên là một trong 22 đơn vị hành chính của huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn, nằm cách trung tâm huyện 15 km về phía Đông Nam. Phía Đông giáp xã Đôn Phong (huyện Bạch Thông), phía Tây giáp xã Đại Sảo, phía Nam giáp xã Dương Phong (huyện Bạch Thông), phía Bắc giáp xã Rã Bản.

Địa hình của xã khá phức tạp, bị chia cắt bởi hệ thống sông, suối và những dãy núi cao, mang đặc trưng của vùng núi phía Bắc. Đồi núi chiếm phần lớn diện tích, tạo nên những thung lũng nhỏ. Các cánh đồng màu mỡ nằm chủ yếu ở khu vực trung tâm xã, dọc theo Tỉnh lộ 257 và ven theo bờ sông Cầu.

Thuộc khu vực miền núi Đông Bắc của miền Bắc nên khí hậu ở Đông Viên mang đặc trưng của khí hậu nhiệt đới gió mùa và có tiểu vùng khí hậu riêng. Do chia cắt bởi địa hình, khí hậu Đông Viên được chia thành hai mùa rõ

rệt: mùa mưa từ tháng 4 đến tháng 10 trong năm, tập trung chủ yếu vào các tháng 6,7,8 kèm theo thời tiết nóng ẩm và mưa nhiều; mùa khô từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau, kèm theo gió mùa Đông Bắc và các đợt rét đậm vào mùa đông. Nhiệt độ trung bình năm là 22°C, nhiệt độ cao nhất là 38°C, thấp nhất là 8°C.

Diện tích đất tự nhiên của xã là 2.161,97ha, trong đó: đất nông lâm nghiệp là 1.885,52ha; đất phi nông nghiệp là 132,39ha, đất chưa sử dụng là 144,06ha. Tiềm năng đất đai của xã khá phong phú, đặc biệt là quỹ đất chưa sử dụng, đây là cơ sở để xã đưa vào khai thác mở rộng quỹ đất sản xuất lâm nghiệp cũng như đáp ứng nhu cầu về đất cho các mục đích chuyên dùng. Những diện tích đất đang sử dụng cũng được đầu tư thâm canh, tăng vụ, chuyển đổi cơ cấu một cách hợp lý, làm tăng hiệu quả kinh tế - xã hội và môi trường ở địa phương.

Toàn xã có 54,24ha mặt nước chuyên dùng và sông suối. Xã có con sông Cầu chảy qua và nhiều khe suối nhỏ như: Nà Vần, Khau Chủ, Nà Kệt. Đây cũng là nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp cho nhân dân địa phương. Về tài nguyên rừng, diện tích đất lâm nghiệp chiếm hơn 60% diện tích đất đai của xã. Đây là tiềm năng để phát triển trồng rừng và khai thác lâm sản. Nhờ thực hiện tốt chủ trương giao đất, giao rừng đến từng hộ gia đình, đồng thời được đầu tư từ các chương trình dự án nên diện tích rừng ngày càng tăng, rừng được bảo vệ và khai thác theo đúng quy định.

2. Đặc điểm kinh tế - xã hội

Cùng với vị trí địa lý thuận lợi, người dân Đông Viên cần cù, năng động và chịu khó, là những yếu tố quyết định đến sự tồn tại và phát triển bền vững của địa phương trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội.

Về dân số, tính đến tháng 8-2015, xã có 2.439 nhân khẩu, 564 hộ, trong đó: nam có 1.204 người (chiếm 49,37% dân số); nữ có 1.235 người (chiếm 50,62% dân số). Năm 2012, số lao động trong độ tuổi ở xã chiếm 97,31% tổng số lao động, còn lại là lao động phi nông nghiệp (chiếm 2,69% tổng số lao động).

Trên địa bàn xã có các dân tộc cùng sinh sống, chủ yếu là dân tộc Tày, Kinh, riêng dân tộc Tày chiếm 90%. Nhân dân xã sống không tập trung, mà phân bố ở các thôn, bản dọc theo các tuyến giao thông trên địa bàn xã. Các dân tộc cùng chung sống đoàn kết, thương yêu, quý trọng lẫn nhau, cùng sản xuất nông nghiệp, phát triển kinh tế, văn hóa xã hội, nỗ lực phấn đấu xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp hơn.

Kinh tế của xã Đông Viên chủ yếu là sản xuất nông - lâm nghiệp, với hoạt động chính là trồng cây lương thực, chăn nuôi và trồng rừng. Trong đó, cơ cấu kinh tế nông - lâm nghiệp chiếm tỷ trọng trên 90% tổng giá trị sản xuất. Với những biện pháp về cơ cấu giống, cây trồng, chuyên đổi mùa vụ, sản xuất tăng mức quay vòng đất, áp dụng tiến bộ kỹ thuật, chăm sóc phòng trừ sâu bệnh, có các chính sách hỗ trợ kích thích sản xuất nên năng suất và chất lượng luôn ổn định. Trong chăn nuôi, ngoài những

vật nuôi truyền thống, nhiều hộ gia đình đã mạnh dạn đầu tư chăn nuôi các vật nuôi có giá trị kinh tế cao như: dê, trâu, bò... góp phần tăng giá trị sản xuất ngành chăn nuôi lên cao. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, do quá trình công nghiệp hóa nông nghiệp nông thôn, người dân chuyển sang dùng máy móc, nên đàn gia súc trên địa bàn xã có giảm. Diện tích ao nuôi trồng thủy sản với quy mô nhỏ cũng đang được xã phát triển.

Về thương mại, dịch vụ, do địa bàn xã nhỏ hẹp, các hoạt động kinh doanh không lớn, chủ yếu là một số hàng quán nhỏ lẻ ở khu vực trung tâm xã, phục vụ nhu cầu thiết yếu của nhân dân địa phương, chưa có cơ sở sản xuất lớn. Năm 1987, chợ Đông Viên được mở, tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân các dân tộc ở xã giao lưu, buôn bán, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, phục vụ đời sống hàng ngày.

Hệ thống giao thông nông thôn ở Đông Viên với tổng số kilômét đường giao thông là 11km, trong đó có 9km Tỉnh lộ ĐT 257 và ĐT 254B chạy qua địa phận xã và 2km đường trục xã. Tuy nhiên, tuyến đường trục xã chưa được nhựa hóa và bê tông hóa, nên cần phải đầu tư, xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp để phục vụ nhu cầu đi lại cho nhân dân địa phương.

Hệ thống thủy lợi của xã đáp ứng phục vụ tưới tiêu cho 171ha lúa nước và hoa màu, gồm 9 đập nước đã được xây kiên cố, 5.200m kênh mương, 1 tuyến kè, 1 trạm bơm. Để phục vụ tốt hơn cho sản xuất nông nghiệp, xã đang có kế hoạch xây dựng, tu sửa và nâng cấp các công trình thủy lợi.

Hiện nay, Đảng bộ và chính quyền xã Đông Viên đã chỉ đạo nhân dân chuyển đổi cơ cấu kinh tế hợp lý, tạo việc làm cho người lao động, hoàn thiện và nâng cấp, xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ đời sống nhân dân: trạm điện, hệ thống thủy lợi, trường học, trạm y tế.

Nhìn chung, với những thuận lợi về vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên - xã hội, Đông Viên có cơ hội trong phát triển kinh tế, giao lưu hàng hóa với các vùng miền trong cả nước, xây dựng quê hương theo định hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa mà Đảng ta đề ra.

II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH LÀNG XÃ VÀ TRUYỀN THỐNG LỊCH SỬ VĂN HÓA

1. Quá trình hình thành làng xã

Ngược dòng lịch sử, cùng với sự phân chia hành chính, địa giới hành chính xã Đông Viên luôn thay đổi. Theo sử cũ, thời nhà Trần trở về trước, vùng đất Đông Viên nằm trong địa phận của huyện Chợ Đồn ngày nay, thuộc huyện Vĩnh Thông, phủ Thái Nguyên. Năm 1911, châu Chợ Đồn được thành lập, gồm 2 tổng: Đông Viên và Nhu Viễn. Xã Đông Viên ngày nay thuộc tổng Đông Viên. Năm 1945, xã Đông Viên gồm địa giới hành chính của 3 xã: Đông Viên, Đại Sảo, Rã Bản.

Năm 1953 phát động giảm tô, 3 xã Đông Viên, Rã Bản, Đại Sảo được hợp nhất thành xã Đồng Thắng. Năm 1957, xã Đồng Thắng được tách thành 3 xã: Đại Thắng (hiện nay là Đại Sảo); Đồng Thắng (xã Đông Viên ngày nay); Đức Thượng (xã Rã Bản ngày nay).

Đến năm 1964, xã Đông Thăng được đổi tên thành Đông Viên, gồm 3 làng: Nà Vần, Nà Kệt, Khau Chủ. Hiện nay, Đông Viên gồm 12 thôn, bản, đó là: Nà Cọ, Nà Vần, Bản Cáo, thôn Làng Sen, thôn Khau Chủ, thôn Cốc Lùng, thôn Nà Mèo, thôn Nà Chang, thôn Nà Lào, thôn Nà Pèng, thôn Nà Kham, thôn Cốc Héc.

Ngày 21-4-1965, tỉnh Thái Nguyên và Bắc Kạn được hợp nhất lấy tên là Bắc Thái theo Quyết định số 103-NQ-TVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Theo đó, xã Đông Viên thuộc huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Thái.

Ngày 6-11-1996, Quốc hội khoá IX kỳ họp thứ 10 đã phê chuẩn việc chia lại địa giới hành chính của một số tỉnh, trong đó, tỉnh Bắc Thái được chia thành 2 tỉnh Thái Nguyên và Bắc Kạn. Ngày 1-1-1997, tỉnh Bắc Kạn chính thức được tái lập, xã Đông Viên lúc này thuộc huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn và ổn định địa giới hành chính đến nay.

Những thay đổi về mặt hành chính của Đông Viên trong suốt chiều dài của lịch sử khá đa dạng. Bao gồm cả sự thay đổi về quy mô địa bàn, về tên gọi và về hệ thống, cơ chế hoạt động của các đơn vị. Đó là nét đặc thù không chỉ riêng ở xã Đông Viên mà còn ở nhiều địa phương khác của huyện Chợ Đồn.

Cùng với quá trình hình thành làng xã Việt Nam, các tên làng được hình thành và tên gọi của chúng đã gắn bó và tồn tại với cơ chế của làng Việt cho đến ngày nay. Đó là những tên tục, tên Nôm gắn với từng địa danh, là bằng chứng của những làng Việt, những đơn vị cư trú đầu tiên được xuất hiện ở Đông Viên.

Sự phát triển của thôn bản ở Đông Viên là kết quả của một quá trình lâu dài của biết bao thế hệ người dân nơi đây, luôn chung lưng đấu cật, cải tạo đồng ruộng, chống giặc ngoại xâm... để tạo dựng được một miền quê giàu có, phát triển như ngày hôm nay. Có thể khẳng định, thôn bản ở Đông Viên mãi là sợi dây kết nối thiêng liêng giữa quá khứ và hiện tại, giữa việc giữ gìn bản sắc văn hóa truyền thống dân tộc với sự phát triển của nền kinh tế hiện đại.

2. Truyền thống lịch sử, văn hóa

Truyền thống văn hóa, phong tục tập quán

Trong suốt chiều dài của lịch sử, Đông Viên không chỉ là nơi du nhập nhiều dòng họ đến đây sinh cơ lập nghiệp mà còn tiếp nhận nhiều phong tục tập quán và truyền thống văn hóa. Bởi vậy, bộ mặt văn hóa của vùng đất này rất đa dạng và phong phú. Lịch sử phát triển của cộng đồng dân cư ở đây luôn gắn liền với sự hình thành các bản, làng - đó là chiếc nôi của cuộc sống cộng đồng, và chính chiếc nôi ấy cũng là nơi sinh ra truyền thống văn hóa ở nơi đây.

Là xã có các dân tộc cùng sinh sống, giữa họ có mối quan hệ gần gũi lâu đời, mối quan hệ đó được ghi lại trong các truyền thuyết, các câu chuyện cổ tích như: “Trăm trứng” của người Kinh, “Quả bầu” của nhiều dân tộc, “Phú Luông - Già Cải”, “Vua Giồng” của người Tày... Qua các truyền thuyết đó, đã khẳng định nguồn gốc cũng như mối quan hệ thân thiết của đồng bào các dân tộc, từ đó tạo sức mạnh to lớn để nhân dân các dân tộc cùng chung vai, sát

cánh xây dựng, bảo vệ quê hương đất nước. Từ thực tiễn sản xuất, nhân dân Đông Viên nói riêng, nhân dân Chợ Đồn nói chung thường có tập quán “aulèng” (tức là đổi công cho nhau), kết bạn đồng canh, đồng niên để cùng nhau sản xuất, chung sống, tạo mối liên kết bền chặt lâu đời. Sự gắn kết đó còn được thể hiện qua các tục lệ ma chay, cưới hỏi, các sinh hoạt văn hóa, lễ hội trong các dịp lễ, tết, cho đến việc làm nhà cửa, đào mương dẫn nước...

Người dân Đông Viên sống tập trung thành thôn bản, với nhiều nhà san sát, đông dân. Phần đông đồng bào ở nhà sàn truyền thống, một số ít hộ (chủ yếu sống ở khu vực gần chợ, gần huyện lỵ) chuyển sang ở nhà đất, nhà gỗ.

Khuổi Peo là nơi sinh sống chủ yếu của đồng bào Dao trước kia. Căn cứ vào mặt bằng mà dân cư sinh hoạt trong mỗi ngôi nhà của người Dao được chia thành ba loại: nhà đất, nhà sàn và nhà nửa sàn - nửa đất, mỗi loại nhà đều mang những đặc điểm riêng để làm phong phú thêm kho tàng văn hóa kiến trúc của họ. Tuy nhiên, dù với loại nhà nào thì nguyên liệu làm nhà thường là: gỗ, vầu, nứa...

Người Dao không có thợ làm nhà chuyên nghiệp mà mọi người trong thôn đều có thể làm được, kể cả phụ nữ. Người Dao có tập quán trợ trợ lẫn nhau từ lâu đời. Mỗi khi trong thôn có người làm nhà thì mọi người tới làm giúp hoặc góp thêm nguyên vật liệu. Vì vậy, công việc được tiến hành rất nhanh chóng.

Mặc dù có ba loại hình nhà ở khác nhau nhưng vẫn có thể nhận ra những nét chung trong kiến trúc nhà ở người Dao. Đó là vị trí và cách bố trí bên trong của một “gian đặc biệt”

trong ngôi nhà. Gian này thường có vách chắn theo chiều dọc của nhà và có một đoạn vách ngăn giữa gian đặc biệt với gian bên, sau đoạn vách ngăn dọc là một buồng nghỉ. Cách bố trí của gian nhà này là đặc trưng nhà ở của người Dao.

Ngôi nhà truyền thống của người Tày là nhà sàn, họ thường chọn những loại gỗ quý để dựng nhà. Nhà có 2 hoặc 4 mái lợp ngói, tranh hoặc lá cọ. Xung quanh nhà bung ván gỗ hoặc che bằng liếp nửa.

Nhà sàn có diện tích sử dụng rất lớn, chia thành các gian và mỗi gian đều có chức năng riêng: gian giữa dùng làm bàn thờ, để cầu nguyện ông bà tổ tiên phù hộ cho gia đình an lành, ấm no và hạnh phúc. Còn các gian phụ được dùng để sinh hoạt, để đồ đạc. Từ thế hệ này truyền sang thế hệ khác, những ngôi nhà sàn giản dị, mộc mạc đã trở thành nét đặc trưng cho đời sống vật chất và tinh thần của cộng đồng dân tộc Tày ở Đông Viên.

Y phục truyền thống của người Tày ở Đông Viên tương đối đơn giản, được cắt may bằng loại vải sợi bông nhuộm chàm và hầu như không có trang trí, nhưng vẫn toát lên một vẻ đẹp tự nhiên, bình dị, trang nhã và hài hòa.

Bộ y phục nam giới gồm áo, quần, khăn và giày. Ngày thường, họ mặc loại áo cánh, màu đen chàm may theo kiểu bốn thân, cổ tròn và cao, không có cầu vai, áo xẻ ngực, được cài bởi hàng cúc gồm bảy chiếc tết bằng dây vải, phần dưới của hai vạt trước là hai cái túi nhỏ không nắp. Quần thuộc loại đũng chéo hay còn gọi là quần chân què, cắt may bằng vải chàm đen, ống rộng, dài tới mắt cá chân, cạp to kiểu lá tọa. Khăn vấn đầu là một mảnh vải dài

khoảng một sải tay, rộng chừng một gang tay. Khăn được quấn hay chít trên đầu theo kiểu chữ nhân. Giày có mũi tròn, cổ cao, dùng dây buộc.

Bộ y phục của phụ nữ người Tày phức tạp hơn với nhiều bộ phận, nhiều chi tiết khác nhau, bao gồm áo cánh ngắn, áo dài, quần hoặc váy, khăn, thắt lưng, tạp dề, xà cạp và giày. Áo cánh ngắn có bốn thân, xẻ ngực, cổ tròn; ở phần dưới hai vạt trước có hai túi nhỏ không nắp giống như túi áo của nam giới. Áo dài quá đầu gối, có năm thân, xẻ nách, cài cúc bên phải. Vào những ngày hội hè, người ta còn mặc áo cánh trắng ở bên trong. Thắt lưng là một mảnh vải dài khoảng hai sải tay, rộng, khổ vải hẹp, hai đầu tết thành những tua ngắn.

Giày của phụ nữ cũng tương tự như giày của nam giới nhưng cổ thấp hơn và không dùng dây buộc mà làm khuy cài. Trên mu giày có thể được trang trí bằng cách thêu chỉ màu. Phụ nữ Tày thường sử dụng một số đồ trang sức được chế tác từ nguyên liệu bạc như vòng cổ, vòng tay, nhẫn, khuyên tai, dây xà tích.

Về trang phục người Dao, nếu là những bộ quần áo thường thì người Dao Đỏ cũng không quá chăm chút nhưng nếu là lễ phục thì lại khác. Lễ phục được làm rất cầu kỳ, công phu với nhiều màu sắc rực rỡ, chủ yếu là màu đỏ. Chiếc áo lễ phục được xẻ ngực, nẹp áo được thêu, cài bằng khuy bạc, hai ngực áo đính nhiều bông len đỏ. Cổ áo phía sau đính nhiều chuỗi hạt màu. Hai ống quần được thêu hoa văn từ đầu gối trở xuống. Dây lưng được làm từ mảnh vải dài khoảng hai sải tay. Những bộ lễ phục

như thế thường tốn rất nhiều thời gian nên người phụ nữ chỉ làm khi rảnh rỗi và các cô gái đến tuổi cập kê thì phải tự chuẩn bị cho mình. Còn đối với phụ nữ Dao Tiền, trang phục của họ không sắc sỡ như nhóm Dao Đỏ nhưng sự cầu kỳ, tinh tế lại được thể hiện trong từng đường kim mũi chỉ. Người Dao Tiền cũng là nhóm Dao duy nhất mặc váy có in họa tiết bằng sáp ong. Trong những ngày Tết, phụ nữ Dao Tiền thường tranh thủ để thêu thùa và in hoa văn bằng sáp ong trên váy.

Đồng bào các dân tộc ở Đông Viên đều có những sinh hoạt văn hóa cộng đồng phong phú, mang đậm bản sắc dân tộc, được thể hiện qua các lễ hội, các phong tục đi lại, ăn, mặc ở, đám cưới, đám ma... Đặc biệt, khi nói đến văn hóa ở địa phương, phải nói tới lễ hội Lồng toồng của người Tày. Lễ hội Lồng toồng cũng thường gọi là Hội xuống đồng của người Tày, với nhiều nghi thức và thành phần lễ hội sinh động. Đây là hoạt động tín ngưỡng cầu trời cho mưa thuận gió hòa, cây cối tốt tươi, mùa màng bội thu, đời sống ấm no. Nơi tổ chức tại những ruộng tốt nhất, to nhất. Ở Đông Viên, lễ hội diễn ra từ ngày 16 đến ngày 18-1 (âm lịch), cũng vào hội đình Đông Viên. Trước kia, vào ngày hội, tất cả mọi người dân ở Đông Viên đều tham gia làm lễ. Nhà nào cũng có mâm cúng, có gà luộc, có bánh chưng, thịt lợn, trứng luộc nhuộm phẩm màu, xôi đỏ, xôi vàng tượng trưng cho mặt trời và mặt trăng, cho âm dương, trên mỗi đĩa xôi có đặt một con én màu đỏ làm bằng giấy, những mơ ước, những khát vọng về cuộc sống ấm no, sinh sôi nảy nở, an lành đều được gửi gắm tất cả vào trong đó.

Khi mặt trời lên, trống hội giục, các gia đình lần lượt đội mâm cúng ra cánh đồng Khau Chủ để chuẩn bị cho lễ hội Lồng toồng. Mâm cúng được xếp theo hàng, trên cùng là mâm của thầy Mo - người được kính trọng nhất và cũng là người giữ vai trò chủ trì các nghi lễ trong ngày hội. Người làm lễ đứng vòng quanh mâm cúng, khi hương thắp, thầy Mo đọc lời khấn và bắt đầu những nghi thức cầu cúng như tạ lễ thần Nông, Thiên địa, Sơn thần, Thủy thần và Thần thành hoàng, những vị thần được cho là có sự tác động đến hoạt động sản xuất và đời sống của cư dân trong cộng đồng dân tộc Tày, cầu cho được mưa thuận gió hòa, mùa màng tươi tốt sinh sôi nảy lộc, bản làng yên ấm.

Thầy Mo tay cầm nậm nước làm bằng vỏ bầu khô được hứng ở đầu nguồn ngửa mặt lên trời cầu khấn rồi vẩy nước ra khắp bốn phương tượng trưng cho nước thiêng từ muôn nơi trời tưới xuống nhân gian cho cây tươi tốt, cho ruộng nương được mùa để tất cả người dân bản mường được hưởng phúc.

Sau những nghi thức, sau đường cày khai hội là lễ hội tung còn. Để chuẩn bị cho hội tung còn, ở giữa đám ruộng lớn được chọn làm địa điểm lễ hội, người ta dựng một cây mai cao từ 15 - 20m làm cột. Trên đỉnh cột có uốn vòng tròn đường kính 50 - 60cm dán giấy hai bên, đề chữ Nhật - Nguyệt tượng trưng cho mặt trăng và mặt trời. Tung còn đòi hỏi cả sức khỏe và sự khéo léo. Các hoạt động trong lễ hội như: Rước cờ, múa sư tử, đi cà kheo, múa rối, chọi gà, đánh đu, múa võ, kéo co, đẩy gậy, hát then, đánh yến diễn ra sôi nổi. Đêm về, nam nữ thanh niên thi hát lượn

đổi đáp suốt canh dài. Trong ngày xuân tất cả những vật dụng, cây cối vật nuôi trong ngày tết đều được dán một mảnh giấy đỏ lên mình như khoác một tấm áo mới để vui cùng con người sau những ngày lao động vất vả thể hiện tính triết lý và nhân văn sâu sắc.

Xưa kia, Đông Viên là một tổng lớn, cứ đến hội Đình là nhân dân các dân tộc ở khắp các xã về tụ hội, có những năm còn mời cả đoàn hát từ chợ Chu lên, rồi thuê đội múa kỳ lân về biểu diễn cho dân làng xem. Có thể thấy, lễ hội Lồng toồng ở Đông Viên là một nét văn hóa đặc sắc, đậm tính dân tộc. Hiện nay, lễ hội Lồng toồng vẫn được duy trì, nhưng nhiều nghi thức đã được giản lược. Trước nguy cơ đồng nhất về văn hóa cần có sự phục dựng và bảo tồn kịp thời để không bị mai một lễ hội đầy ý nghĩa này của đồng bào các dân tộc ở Đông Viên nói riêng và các tỉnh miền núi phía Bắc nói chung.

Rất nhiều những bài thơ, văn vắn, các điệu sli lượn, hát then... được cất lên trong các dịp lễ hội. Những tác phẩm đó ca ngợi cảnh đẹp quê hương, đất nước, chứa đựng tình yêu chung thủy, đặc biệt thể hiện đức tính cần cù, chịu khó trong lao động, sản xuất, sự trong sáng, giản dị, tốt đẹp trong cốt cách, tâm hồn của người dân nơi đây.

Cùng với sự hình thành cộng đồng thôn bản, dần dần các lễ thức sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo cũng ra đời và phát triển nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa tinh thần cho nhân dân.

Về tín ngưỡng, người dân Đông Viên có tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên theo huyết thống. Gia đình nào cũng có

bàn thờ gia tiên đặt ở nơi trang trọng nhất trong ngôi nhà của mình. Đó không chỉ là một loại hình tín ngưỡng mà cao hơn còn là đạo lý “uống nước nhớ nguồn”, thể hiện lòng thành kính, biết ơn của con cháu đối với công lao sinh thành, dưỡng dục của cha mẹ, ông bà tổ tiên, những người đã khuất.

Thờ cúng tổ tiên là tín ngưỡng quan trọng trong đời sống tâm linh của người Tày ở Bắc Kạn. Người Tày không có tục cúng chung trong dòng họ, mà mỗi gia đình còn trông coi bao nhiêu ngôi mộ thì cúng bấy nhiêu ma. Không có lễ cúng riêng cho từng ma. Hàng năm, ngày mất của từng người là ngày kiêng cử của gia đình. Ngày đó không được trồng cây, không được mua sắm các loại gia súc, gia cầm, đồ gia dụng. Nếu phạm vào những ngày đó, cây trồng - vật nuôi sẽ không sinh sôi nảy nở, đồ dùng sẽ bị hỏng. Họ tin những ngày đó, ma người chết sẽ hiện về quấy phá đồ lạ hoặc lấy đi những thứ con cháu vừa làm ra.

Bàn thờ tổ tiên đặt ở nơi trang trọng, thường là gian giữa của ngôi nhà. Trên bàn thờ có 3 bát hương.

Trước đây thông thường nữ giới không được thu dọn đồ đạc ở bàn thờ, đó là việc của đàn ông, trừ vài trường hợp rất đặc biệt. Mồng một, ngày rằm trước đây cũng không ai thắp hương đặt hoa quả. Không đặt những vật kỳ lạ lên bàn thờ. Trên bàn thờ của người Tày ở Đông Viên thường chỉ đặt các loại thịt lợn, gà, vịt. Không nhà nào đặt thịt trâu, bò, ngựa, chó lên bàn thờ.

Hàng năm vào ngày mồng 3-3 (âm lịch), con cháu đi tảo mộ, sửa sang lại mồ mả của tổ tiên. Những ngày tết và

khi có công việc lớn trong nhà cũng được đặt cỗ cúng như ở bàn thờ tổ tiên.

Cũng giống như nhiều dân tộc khác, đồng bào Dao có bàn thờ cúng tổ tiên nhưng duy nhất chỉ có một bát hương, trong những ngày Tết các loại bánh đều được đưa lên bàn thờ cúng cùng với thịt lợn, gà và rượu... Đồng bào Dao có một kiêng kỵ là ăn xong không được để đĩa ngang bát vì họ quan niệm đó là bát cơm của nhà có người chết. Đối với người dân tộc Dao, tục cúng tổ tiên, ông bà thường diễn ra vào sáng sớm ngày mùng 2 Tết. Theo quan niệm của người Dao Tiên, khi cha mẹ mất đi đến ngày Tết cha mẹ sẽ trở về ăn tết cùng con cháu. Họ quan niệm rằng sáng sớm mùng 2 tết, ông bà ngoại sẽ trở về thăm con gái, chính vì vậy bất cứ con vật gì vào nhà cũng không được đuổi, con cái, vợ chồng trong nhà không được cãi nhau... Nếu đuổi các con vật trong nhà nghĩa là đuổi ông bà, to tiếng với nhau nghĩa là không tôn trọng ông bà. Chính tập tục này đã góp phần giáo dục con cháu luôn phải sống hòa thuận yêu thương nhau. Hiện nay tập tục này vẫn được lưu giữ và trân trọng.

Ngày nay, khi đất nước chuyển sang cơ chế mở cửa, tiếp thu có chọn lọc những tinh hoa văn hóa thế giới, thì một số tập tục và nét sinh hoạt văn hóa ở Đông Viên có thay đổi cho phù hợp nhưng vẫn giữ được nét tinh túy trong văn hóa cổ truyền của quê hương.

Truyền thống lao động sản xuất

Trong quá trình xây dựng, lập làng, lập bản, bằng bàn tay lao động và khối óc sáng tạo, nhân dân các dân tộc

ở Đông Viên đã biết dựa vào thuận lợi của điều kiện tự nhiên, khắc phục khó khăn, cùng chung sức, chung lòng biến khu đất hoang thành ruộng đồng, thành bản làng trù phú. Bằng bàn tay lao động, con người nơi đây bẻ bẻ cái tạo tự nhiên, biến vùng đất hoang vu thành xóm làng trù phú, phát triển nông nghiệp.

Các dân tộc ở Đông Viên có một nền nông nghiệp phát triển. Ngoài việc trồng lúa, nhân dân còn trồng ngô, khoai, sắn và các loại cây thực phẩm như rau, đậu các loại... Bên cạnh trồng trọt, chăn nuôi trâu, bò, lợn gà... đã sớm phát triển và trở thành địa phương có nhiều kinh nghiệm trong chăn nuôi. Cùng với trồng trọt, chăn nuôi, nhân dân Đông Viên còn rất khéo tay trong nghề thủ công, đan lát... Đây chính là cơ sở nền tảng để địa phương đây mạnh phát triển đa dạng các ngành nghề, khai thác và tận dụng hết những tiềm năng sẵn có của địa phương.

Truyền thống hiếu học

Cùng với truyền thống đoàn kết, yêu quê hương, đất nước, nhân dân Đông Viên cũng rất tự hào với truyền thống hiếu học và sáng tạo. Đó là một nét đẹp từ bao đời nay của nhân dân địa phương, gắn liền với quá trình sinh cơ, lập nghiệp qua hàng ngàn năm lịch sử. Truyền thống hiếu học luôn được phát huy cao độ qua các thời kỳ lịch sử, nguồn nhân lực có trình độ cao ngày càng nhiều, thích nghi với các điều kiện kinh tế - xã hội.

Ngày nay, phát huy truyền thống hiếu học của cha ông, các thế hệ học sinh Đông Viên vượt lên khó khăn để đến trường học tập, nâng cao kiến thức, trau dồi kỹ năng

để về xây dựng quê hương, đất nước. Do vậy, con em Đông Viên có nhiều người thành đạt, hiển danh được xã hội ghi nhận. Nhiều người học hành thành đạt, là những thạc sỹ, cử nhân đang công tác trên khắp mọi miền đất nước, đóng góp trí tuệ và công sức xây dựng đất nước, xây dựng quê hương giàu đẹp.

Truyền thống hiếu học là một nét văn hóa rất đáng tự hào của mỗi người dân Đông Viên. Với truyền thống đó, đã tạo ra cho xã một nguồn nhân lực quan trọng để xây dựng quê hương đất nước giàu mạnh, xứng đáng với sự hi sinh, vun đắp của biết bao thế hệ cha anh đi trước.

Truyền thống yêu nước, chống ngoại xâm

Từ bao đời nay, nhân dân Đông Viên luôn nêu cao truyền thống lao động cần cù, sáng tạo, truyền thống văn hóa lâu đời và đặc biệt là truyền thống yêu nước chống ngoại xâm.

Trải qua biết bao thăng trầm của lịch sử, nhân dân Đông Viên vẫn gan góc bám đất, bám làng, đoàn kết, cố kết nhau chống lại sự bành trướng, đồng hóa của các thế lực phong kiến phương Bắc giữ vững bản sắc dân tộc Việt Nam. Đồng thời, luôn ủng hộ, hưởng ứng các cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc do các triều đại Lý, Trần, Lê... phát động.

Với lòng yêu nước thiết tha, mỗi khi có giặc xâm lăng bờ cõi, những người con của đồng bào các dân tộc Đông Viên lại sẵn sàng cầm vũ khí lên đường bảo vệ non sông đất nước.

Giữa thế kỷ XIX, thực dân Pháp tiến hành xâm lược nước ta, triều đình phong kiến nhà Nguyễn bạc nhược đã đầu hàng giặc Pháp nhưng nhân dân ta vẫn không chịu khuất phục, lòng yêu nước trong mọi tầng lớp nhân dân lại bùng lên mạnh mẽ hơn bao giờ hết.

Trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, cùng với nhân dân miền Bắc đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ. Thấm nhuần chân lý “không có gì quý hơn độc lập tự do”, quân dân Đông Viên đã đoàn kết, đồng lòng, dốc sức chi viện cho tiền tuyến miền Nam. Lớp lớp thanh niên Đông Viên lên đường vào miền Nam chiến đấu, có nhiều đồng chí đã nằm lại nơi chiến trường để dân tộc, quê hương được thống nhất, giang sơn thu về một mối. Năm 1975, đất nước thống nhất, nhân dân Đông Viên cùng nhân dân cả nước nô nức bước vào sự nghiệp xây dựng quê hương.

Quá trình hình thành và phát triển đã hun đúc nên truyền thống cần cù, sáng tạo trong lao động sản xuất; thông minh, tài trí trong học tập; kiên cường, bất khuất trong chống giặc ngoại xâm của nhân dân xã Đông Viên. Tạo dựng nên đời sống văn hóa tinh thần, cốt cách con người của một vùng quê giàu truyền thống yêu nước. Chính bề dày lịch sử văn hóa và cách mạng đó là di sản tinh thần vô giá, là sức mạnh truyền thống không bao giờ cạn, là cơ sở thuận lợi để nhân dân xã Đông Viên vươn lên trong sự nghiệp đấu tranh bảo vệ độc lập và xây dựng quê hương trong mọi thời kỳ lịch sử của đất nước.

Chương II

DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG, NHÂN DÂN ĐÔNG VIÊN ĐỨNG LÊN ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930-1945) VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1945-1954)

I. TÌNH HÌNH KINH TẾ, CHÍNH TRỊ, XÃ HỘI DƯỚI THỜI THỰC DÂN, PHONG KIẾN

1. Về chính trị

Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, về cơ bản thực dân Pháp đã đặt chế độ thống trị lên đất nước ta. Việt Nam từ một nước phong kiến độc lập trở thành thuộc địa của Pháp. Tuy chế độ phong kiến vẫn được duy trì nhưng trên thực tế, mọi quyền hành đều rơi vào tay thực dân Pháp, biến triều đình nhà Nguyễn thành bù nhìn.

Nước ta bị chia làm 3 kỳ, mỗi kỳ đặt một chế độ khác nhau. Với chiêu bài khai hóa văn minh, nêu cao tự do, bình đẳng, bác ái nhưng trên thực tế thực dân Pháp không cho ta hưởng chút quyền tự do, dân chủ nào.

Thực dân Pháp thực hiện chính sách bóc lột kinh tế, kết hợp với chuyên chế về chính trị. Trực tiếp nắm giữ các chức vụ chủ chốt trong bộ máy cai trị thuộc địa là toàn

quyền, khâm sứ, thống sứ... Tại Chợ Đồn, sau khi đặt đơn vị hành chính cấp châu, thực dân Pháp dựng lên một chính quyền tay sai người bản xứ, đứng đầu là tri châu. Nhằm tăng cường cai trị và bóc lột, từ sau cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai, thực dân Pháp tiến hành chính sách “cải lương hương thôn” với các hình thức như thành lập Hội đồng kỳ mục, tái lập lại Hội Tư văn, lập hương ước, lập văn phả, xây dựng làng kiêu mẫu... Hội đồng kỳ mục kiểm duyệt hoạt động của Hội đồng hương hội đã được lập vào những năm trước đó; từ năm 1930, chuyển thành Hội đồng tộc biểu, đến năm 1941 lấy tên gọi cũ. Thực chất của việc chuyển đổi các hình thức hội đồng của chế độ thực dân, phong kiến đều là giả hiệu, không phải là do lá phiếu của đông đảo nhân dân bầu ra. Cái gọi là “cải lương hương thôn” chỉ là một thủ đoạn chính trị - kinh tế, chứa đựng nội dung mỉa dân hết sức thâm độc của thực dân Pháp, để lừa mị được một số người nhẹ dạ cả tin, đưa một số nhân sĩ có tư tưởng yêu nước cách tân dân chủ đi vào con đường cải lương do chúng đặt ra, ru ngủ một bộ phận quần chúng. Cũng thông qua thủ đoạn này mà chúng đào tạo được nhiều tên “tay chân” rất tin cậy, đắc lực.

Bộ máy cai trị ở Đông Viên gồm có: Chánh tổng, phó tổng, phó lý, tổng đoàn, xã đoàn, thôn trưởng. Thông qua bộ máy cai trị quan liêu, tham nhũng, chính quyền thực dân phong kiến thi hành các chính sách áp bức, bóc lột rất hà khắc, ngăn cấm tự do hội họp, báo chí, không lập đảng phái, ra sức tuyên truyền về chính sách khai hóa văn minh của thực dân Pháp, phân chia đẳng cấp, phân hóa

giàu nghèo, để chúng dễ bề cai trị và bóc lột, vơ vét của cải của nhân dân.

2. Về kinh tế

Sau khi đặt được ách thống trị lên vai người dân Việt Nam và thiết lập được bộ máy tay sai, để phục vụ cho cuộc chiến tranh xâm lược, thực dân Pháp ra sức bóc lột sức người, sức của và không từ một thủ đoạn nào để bắt nhân dân ta phục dịch cho bộ máy cai trị của chúng. Trong khi đó, nền kinh tế nước ta về cơ bản vẫn là nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, vốn đã què quặt dưới chế độ phong kiến, nay lại càng phụ thuộc vào kinh tế chính quốc.

Bên cạnh những hình thức bóc lột theo kiểu tư bản, thực dân Pháp còn đặt ra vô số những thứ thuế vô lý: thuế canh điền, thuế chợ, thuế trâu bò... Đối với đồng bào người Dao, thực dân Pháp tính theo đầu người hoặc số lượng thóc để đóng thuế. Ngoài ra nhân dân còn phải đi phu, đi lính, làm đường hoặc lao động cực nhọc không công trong vùng đất của địa chủ, quan lại. Nặng nề nhất là thuế đinh - thứ thuế đánh vào người từ 18 tuổi đến 60 tuổi. Mỗi suất nhà nước quy định 3 đồng nhưng bọn lý trưởng thu đến 3,2 đồng Đông Dương (trương đương với 3 tạ thóc).

Chính sách áp bức, bóc lột tàn bạo của phát xít Nhật - thực dân Pháp đã gây ra nạn đói khủng khiếp năm 1945. Nhân dân Đông Viên cũng rơi vào tình trạng chung của nhân dân cả nước, nạn đói hoành hành, nhiều người phải tìm củ mài, củ nâu để ăn. Nạn đói năm 1945 có ảnh hưởng đến nhân dân, nhưng ở xã không ai bị chết đói. Tuy nhiên,

nguyện vọng bức thiết của nhân dân Đông Viên nói riêng và nhân dân cả nước nói chung là đứng lên đấu tranh giành độc lập, tự do cho quê hương, đất nước.

3. Về văn hóa - xã hội

Thực dân Pháp luôn rêu rao chiêu bài “khai hóa văn minh” nhưng lại bung bít, bóp nghẹt và ngăn chặn những tư tưởng tiến bộ du nhập vào nước ta. Hơn thế, chúng triệt để thực hiện chính sách ngu dân, xây nhà tù nhiều hơn trường học để dễ bề cai trị. Đông Viên cũng như các xã khác trong huyện Chợ Đồn lúc bấy giờ, việc học tập, giáo dục không được tầng lớp thống trị chú trọng. Cho đến năm 1922, huyện Chợ Đồn không có trường học. Những gia đình khá giả, có tiền cho con đi học cũng phải về tận thị xã Bắc Kạn hoặc địa phương khác. Cả xã chỉ có một số ít người biết chữ, còn lại đa số nhân dân phải đắm mình trong cảnh tối tăm mù chữ. Trình độ dân trí thấp càng dễ cho thực dân Pháp thi hành chính sách mị dân, làm nảy sinh những hủ tục lạc hậu, bói toán, mê tín dị đoan.

Giáo dục tối tăm, y tế cũng không hề sáng sủa, vì chính quyền thực dân phong kiến không chăm lo sức khỏe cho nhân dân. Cả tỉnh Bắc Kạn chỉ có một nhà thương cùng nhà hộ sinh đặt ở thị xã. Chợ Đồn không có một cơ sở y tế nào. Người dân ốm đau chủ yếu trông vào cầu cúng, bói toán, nhà giàu mới có tiền vào nhà thương tỉnh, nhưng quy mô nhà thương khi đó cũng không hơn gì trạm xá ngày nay. Bệnh sốt vàng da, đậu mùa, kiết lị, thương hàn và nhiều bệnh thông thường khác vì không có thuốc đã giết chết bao sinh mạng người dân. Mê tín dị đoan, cúng bái trở thành “cứu sinh” để thoát khỏi cảnh hiểm nghèo,

nạn hữu sinh vô dưỡng đã trở thành phổ biến. Thôn xóm Đông Viên trong tình trạng nghèo nàn, lạc hậu cả về vật chất và tinh thần.

Chính sách áp bức bóc lột của thực dân Pháp đã làm cho xã hội phong kiến trở thành xã hội thuộc địa nửa phong kiến, các giai cấp trong xã hội bị phân hóa sâu sắc. Sự phân hóa xã hội đã dẫn đến mâu thuẫn gay gắt giữa dân tộc ta với thực dân Pháp và tay sai, nguyện vọng tha thiết của nhân dân chính là độc lập dân tộc và người cày có ruộng. Đó chính là yêu cầu tất yếu khách quan của cách mạng dân tộc và cách mạng xã hội trên địa bàn huyện nói chung, ở địa bàn xã Đông Viên nói riêng. Đúng như lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã nói: “Sự áp bức và bóc lột vô nhân đạo của đế quốc Pháp đã làm cho đồng bào ta hiểu rằng có cách mạng thì sống, không có cách mạng thì chết”¹. Cùng với nhân dân trong huyện, tỉnh và cả nước, khi có ánh sáng cách mạng chiếu rọi, nhân dân Đông Viên đã nhanh chóng tiếp nhận, lĩnh hội, sẵn sàng vùng dậy đấu tranh đòi quyền độc lập, tự do cho dân tộc mình.

II. DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG, NHÂN DÂN XÃ ĐÔNG VIÊN THAM GIA CUỘC VẬN ĐỘNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN TRONG CÁCH MẠNG THÁNG TÁM (1930-1945)

Dân tộc Việt Nam nói chung, nhân dân Đông Viên nói riêng phải sống cực khổ bởi xiềng xích phong kiến

1. Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập III, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.9.

mục nát và thực dân tàn bạo kể từ khi thực dân Pháp tiến hành xâm lược và đặt ách thống trị trên đất nước ta. Mâu thuẫn giữa giai cấp nông dân và địa chủ phong kiến cùng mâu thuẫn giữa toàn thể nhân dân Đông Viên với chính quyền đô hộ ngày càng lên cao, ý thức đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc hình thành ngày một rõ nét. Với truyền thống yêu nước nồng nàn, nhân dân Đông Viên đã sớm bắt nhịp vào các phong trào cách mạng chung trong cả nước. Tuy nhiên, những cuộc đấu tranh ấy - cũng như trên cả nước trong thời kỳ này - chủ yếu là mang tính tự phát, thiếu một đường lối đấu tranh và sự chỉ đạo đúng đắn, bản thân những người đứng đầu các cuộc khởi nghĩa đều là văn thân, sĩ phu yêu nước bị hạn chế bởi lập trường giai cấp nên đều thất bại.

Ngày 3-2-1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời chấm dứt thời kỳ bế tắc và khủng hoảng về đường lối và giai cấp lãnh đạo cách mạng, mở ra một bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử dân tộc. Từ đây lịch sử dân tộc nói chung và lịch sử mỗi địa phương nói riêng bước vào cuộc đấu tranh mới theo đường lối, phương pháp cách mạng đúng đắn do chính Đảng Mác - Lênin lãnh đạo.

Từ khi ra đời, Đảng ta nhanh chóng giương cao ngọn cờ cách mạng, lãnh đạo các tầng lớp nhân dân đứng lên đấu tranh chống đế quốc, thực dân và bè lũ phong kiến tay sai. Phong trào cách mạng nước ta ngày càng dâng cao. Làn sóng cách mạng đó đã tác động và cổ vũ nhân dân các dân tộc Bắc Kạn. Ở Chợ Đồn trong thời kỳ này, phong trào cách mạng chưa trực tiếp đến với nhân dân

trong huyện, do thực dân Pháp tăng cường bộ máy cai trị ở đây, đồng thời, địa hình hiểm trở, giao thông khó khăn cũng là một trong những hạn chế để phong trào cách mạng có thể phát triển sớm.

Từ năm 1942 trở đi, phong trào cách mạng ở Chợ Đồn bắt đầu có chuyển hướng. Việc xây dựng con đường quần chúng, liên lạc giữa trung tâm căn cứ địa Cao Bằng và Bắc Sơn - Võ Nhai trở thành yêu cầu bức thiết để phát triển phong trào cách mạng, đồng thời xây dựng những cơ sở cách mạng mới, trong đó có Chợ Đồn. Đầu năm 1943, lực lượng nam tiến với 19 đội đã xuất phát từ tổng Kim Mã (Nguyên Bình, Cao Bằng) tiến xuống Bắc Kạn. Sau khi xây dựng được địa bàn, đoàn cán bộ nam tiến do đồng chí Nông Văn Quang phụ trách đi vào phía đông huyện Chợ Đồn, dựa vào mối liên hệ họ hàng, đồng canh của các cơ sở đồng bào Dao ở Chợ Rã để tuyên truyền, giác ngộ cách mạng. Bản Lùng Tằng, xã Tân Lập trở thành cơ sở đầu tiên của mũi nam tiến vào Chợ Đồn. Cơ sở cách mạng phát triển thành một hệ thống liên hoàn trên khắp các vùng rừng núi Cao - Bắc - Lạng, khắp các địa phương đều có các Hội Cứu quốc của Mặt trận Việt Minh. Từ mùa hè năm 1943, một số cán bộ nam tiến đã tiến vào xây dựng cơ sở ở xã Đông Viên và Rã Bản (phía đông của huyện Chợ Đồn).

Từ khi có cơ sở cách mạng ở xã, đồng bào các dân tộc ở Chợ Đồn nói chung, Đông Viên nói riêng rất hăng hái, nhiệt tình đi theo cách mạng. Đến đầu tháng 9-1943, hầu hết đồng bào Dao ở tổng Đông Viên đều gia nhập "hội

Việt Minh”. Các tổ chức cứu quốc của thanh niên, phụ nữ... được xây dựng và củng cố. Khí thế cách mạng lên cao chưa từng thấy, lôi cuốn, thu hút đông đảo quần chúng nhân dân, trong đó có cả một số chánh Mán, động trưởng và quản chiêu đi theo Việt Minh. Cũng từ đây, phong trào cách mạng ở Chợ Đồn đã được tiếp nhận ảnh hưởng trực tiếp của các trung tâm căn cứ cách mạng Cao - Bắc - Lạng, Bắc Sơn - Võ Nhai, Đại Từ - Định Hóa - Sơn Dương.

Tại Bắc Kạn, ngày 22-11-1943, thực dân Pháp cho quân khủng bố phong trào ở xã Cao Minh, mở đầu cho cuộc khủng bố quyết liệt của chúng ở đây. Tại Chợ Đồn, cuộc khủng bố diễn ra dài ngày và rất khốc liệt. Ngoài đồn Bản Thi, Chợ Đồn, Yên Thịnh, Pháp còn đóng thêm đồn Tổng Quận. Ở các xã, chúng đặt thêm chức “khán hộ”, “khán xã” để kiểm soát người đi lại trong các làng bản, các ngã đường. Chúng cũng lập hệ thống tuần đinh, tuần tráng đặt dưới quyền chỉ huy của châu đoàn, tổng đoàn, xã đoàn và treo giải thưởng cho những ai bắt được cán bộ cách mạng. Thâm độc hơn, thực dân Pháp thi hành chính sách “tát nước bắt cá”, dồn dân làng sống tập trung, ngay cả đồng bào Dao sống du canh du cư cũng bị dồn xuống những khu vực quy định, dưới sự kiểm soát gắt gao của chúng. Bên cạnh đó, bọn phản động tay sai đã lợi dụng không khí khủng bố để vợ vét, cướp bóc tài sản của nhân dân trong huyện. Chúng lập ra vụ “tổng tiền” đối với đồng bào người Dao, khiến cho hầu hết các gia đình người Dao ở Chợ Đồn bị thiệt hại nặng về kinh tế, nhiều gia đình phải bán bò để lấy tiền nộp phạt. Cuộc khủng bố của kẻ

thù đã đặt phong trào cách mạng trong huyện đứng trước những thử thách nghiêm trọng.

Trước tình hình đó, cuối năm 1943, tại Thôn Phảng (Phong Huân) hội nghị đại biểu Việt Minh các xã Bằng Lăng, Ngọc Phái, Phong Huân, Đại Sảo, Đông Viên, Yên Mỹ được tổ chức. Hội nghị đã đánh dấu bước phát triển mới trong phong trào cách mạng ở Đông Viên nói riêng, các xã trong huyện Chợ Đồn nói chung, lãnh đạo nhân dân đấu tranh chống khủng bố của địch, vận động nhân dân tham gia cách mạng, che chở, bảo vệ cho cán bộ, cơ sở cách mạng. Khẩu hiệu “4 không”¹ được nhân dân Đông Viên thực hiện triệt để và có hiệu quả. Ở Đông Viên, từ khi có đoàn cán bộ của Việt Minh về tuyên truyền cách mạng, có rất nhiều người đi theo Việt Minh, tiêu biểu có các ông: Nguyễn Phúc Thu (Nguyễn Phúc Kinh), Nguyễn Đức Kinh (Việt Cường), Nguyễn Đức Tây (Việt Dũng), Huy Hùng, Triệu Văn Long, Triệu Văn Như, Hoàng Văn Quang...

Cùng với sự phát triển của các hội cứu quốc, đội tự vệ cũng được thành lập ở Đông Viên có nhiệm vụ bảo vệ cơ sở cách mạng và giữ gìn trật tự trị an ở địa phương. Đội tự vệ trong các xã nhanh chóng trưởng thành về mọi mặt, làm cơ sở cho sự hình thành trung đội du kích thoát ly toàn châu sau này.

Bước sang năm 1944, phong trào cách mạng ở Đông Viên đã đạt được những kết quả nhất định. Tháng 8-1944,

1. Không biết, không nghe, không thấy, không đầu hàng đầu thú.

Hội nghị đại biểu Việt Minh toàn châu được tổ chức đã khẳng định những chuyển biến mới về cả số lượng và chất lượng của phong trào cách mạng ở địa phương. Hội nghị cũng quyết định một số vấn đề liên quan đến phong trào cách mạng ở địa phương, đó là: thành lập một trung đội tự vệ chiến đấu toàn châu, tự trang bị lấy vũ khí và lương khô; thành lập một kho lương thực và tổ chức lạc quyền lấy tiền làm quỹ du kích; vận động nhân dân các xã làm kho thóc bí mật, có phương án bảo vệ nhân dân và chống khủng bố đạt hiệu quả cao nhất. Ở Đông Viên, nhân dân có đóng góp một số trâu, bò để ủng hộ cho cách mạng.

Sau khi trung đội tự vệ chiến đấu Chợ Đồn được thành lập, đánh dấu bước phát triển mới trong quá trình xây dựng lực lượng vũ trang ở huyện. Các đội viên trong trung đội tự vệ đã bước vào đợt huấn luyện trong 20 ngày, tự sắm sửa vũ khí, chuẩn bị lương thực để sẵn sàng cho cuộc chiến đấu.

Từ đầu tháng 3-1945, mâu thuẫn giữa phát xít Nhật với thực dân Pháp gia tăng, đêm 9-3-1945, Nhật đảo chính hất cẳng Pháp, độc chiếm Đông Dương. Ngày 12-3-1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp và ra Chỉ thị “Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”, khẩu hiệu “Đánh đuổi Nhật - Pháp” trước đây được thay bằng khẩu hiệu “Đánh đuổi phát xít Nhật”. Trung ương Đảng đề ra chủ trương phát động một cao trào kháng Nhật, cứu nước mạnh mẽ, làm tiền đề cho cuộc khởi nghĩa giành chính quyền. Tại Bắc Kạn, sau khi nhận được tin Nhật đảo chính Pháp, binh lính Pháp đã tháo chạy khỏi thị xã,

bọn quan chức Pháp hoảng sợ, một số bỏ trốn, một số chờ Nhật đến để đầu hàng; bọn tay sai của Pháp cũng như rấn mất đầu. Trước tình hình đó, Ban Thường vụ liên tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng đã họp và quyết định: đánh đổ chế độ thống trị của Pháp ở nông thôn, lúc đó tùy từng nơi sẽ thành lập chính quyền nhân dân từ cấp xã đến cấp tỉnh; phân phối cán bộ của đội tuyên truyền về cùng phối hợp với các đội vũ trang địa phương, tổ chức thêm các đơn vị giải phóng, chuẩn bị chống Nhật; phá hoại giao thông và làm vườn không nhà trống; không khiêu chiến quân Pháp bị Nhật đánh đuổi mà phải tích cực kêu gọi chúng cùng ta lập mặt trận chống Nhật.

Ngày 28-3-1945, hội nghị cán bộ, đảng viên hoạt động ở Chợ Đồn và Ủy ban Việt Minh châu quyết định phát động quần chúng nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền.

Ngay trong đêm 28-3, trung đội tự vệ chiến đấu đã tiến đánh đồn Tổng Quận, hoảng sợ trước khí thế của quần chúng và hoang mang trước tình hình quan thầy Pháp đã tháo chạy, tên bang tá cùng với binh lính trong đồn đã bỏ chạy từ chiều hôm trước, do đó lực lượng tự vệ chiếm đồn nhanh, gọn, không tổn xương máu. Phối hợp với lực lượng tự vệ đánh đồn Tổng Quận, một bộ phận lực lượng tự vệ chiến đấu cũng tiến về giải phóng khu mỏ Bản Thi. Ngày 29-3, quân ta chiếm được đồn và làm chủ khu mỏ. Tại các xã, trong đó có Đông Viên, quần chúng nhân dân cũng nhanh chóng nổi dậy, xóa bỏ bộ máy tay sai của địch và tuyên bố thành lập chính quyền cách mạng. Nhiều thanh niên của Đông Viên như: Hoàng

Văn Quang, Triệu Văn Long, Triệu Văn Nhung, Nguyễn Đức Nhức, Triệu Văn Tuyền, Nguyễn Phúc Kính... đã tham gia vào đoàn biểu tình giành chính quyền ở xã. Ông Nguyễn Phúc Lang - ủy viên Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên cứu quốc Đông Viên đã tham gia dự mít tinh giành chính quyền ở tỉnh Bắc Kạn.

Ngày 30-3-1945, đại bộ phận châu Chợ Đồn được giải phóng, Ủy ban nhân dân lâm thời các xã lần lượt ra đời. Ủy ban nhân dân lâm thời xã Đông Viên được thành lập do ông Nguyễn Đức Thường làm Chủ tịch. Đầu tháng 4-1945, Ủy ban nhân dân lâm thời châu Chợ Đồn chính thức thành lập và ra mắt trước toàn dân. Sự ra đời của Ủy ban nhân dân lâm thời châu đánh dấu một bước ngoặt trong đời sống nhân dân các dân tộc Chợ Đồn nói chung, nhân dân Đông Viên nói riêng. Từ đây, nhân dân quyết tâm đi theo Đảng làm cách mạng, trước mắt là kháng chiến chống Nhật để bảo vệ chính quyền mới.

Vừa mới ra đời, chính quyền cách mạng Chợ Đồn đã phải đối mặt với nhiều khó khăn: nạn đói, rét đe dọa, nạn mù chữ, tệ nạn mê tín dị đoan, cùng với sự “ngóc đầu dậy” chống phá chính quyền của một số phần tử phản động. Thực hiện chủ trương của Đảng, chính quyền cách mạng đã tập trung vào nhiệm vụ trước mắt là tổ chức kháng chiến chống phát xít Nhật đang có âm mưu đánh vào vùng giải phóng của ta, trong đó có Chợ Đồn. Ngày 17-3-1945, sau khi chiếm được thị xã Bắc Kạn, phát xít Nhật một mặt thi hành chính sách lừa bịp, mị dân, mặt khác ráo riết hoạt động để mở rộng phạm vi chiếm đóng

nhằm xóa bỏ vùng giải phóng của ta. Trước âm mưu và thủ đoạn của chúng, Ủy ban nhân dân lâm thời châu Chợ Đồn đã chủ động xây dựng kế hoạch đối phó, lập phương án chống địch, phổ biến sâu rộng chính sách của Mặt trận Việt Minh đến quần chúng nhân dân. Đồng thời phát động phong trào “vườn không nhà trống”, đưa nhân dân, lương thực, thực phẩm sơ tán vào rừng, lực lượng trẻ khỏe vẫn bám ruộng đồng để đảm bảo tăng gia sản xuất. Cuối tháng 4-1945, Nhật mở cuộc hành quân qua khu vực Chợ Đồn, đi đến đâu chúng cũng bắt giết trâu bò, phá hoại nhà cửa của nhân dân. Tuy nhiên, do nhân dân Chợ Đồn thực hiện triệt để “vườn không nhà trống” nên gây tâm lý hoang mang, lo sợ trong hàng ngũ phát xít Nhật, đồng thời gặp phải khó khăn về tiếp tế lương thực nên sau vài ngày hành quân, chúng phải rút về Bắc Kạn.

Sau khi Nhật rút khỏi Chợ Đồn, chính quyền cách mạng đã nghiêm trị một số tên phản động. Bên cạnh đó, các lực lượng vũ trang địa phương đã nêu cao quyết tâm chặn đánh địch nếu chúng liều lĩnh tiến quân vào địa bàn. Ở Đông Viên, đội tự vệ đã thay nhau canh gác ngày đêm, xây dựng các trận địa phục kích ở những nơi có địa thế hiểm yếu, ngả cây làm chướng ngại vật trên đường...

Tháng 5-1945, thực hiện Chỉ thị của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn đã họp hội nghị mở rộng quyết định phải củng cố các đơn vị vũ trang, xây dựng thêm đơn vị mới, đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống Nhật... Tại Chợ Đồn, các trung đội tự vệ chiến đấu được huấn luyện, đào tạo đã làm nhiệm vụ

thường trực, sẵn sàng chiến đấu khi địch đến, giữ gìn an ninh trật tự ở thôn xóm. Trung tuần tháng 5-1945, phát xít Nhật huy động một lực lượng lớn mở cuộc vây càn vào vùng giải phóng và các căn cứ cách mạng thuộc khu vực giáp địa phận 3 tỉnh: Bắc Kạn, Thái Nguyên, Tuyên Quang với ý đồ chia cắt vùng giải phóng ra thành nhiều mảnh để bao vây, tiêu diệt cơ quan đầu não và lực lượng vũ trang cách mạng của ta. Do đã chuẩn bị sẵn sàng, cộng với quyết tâm bảo vệ căn cứ, lực lượng vũ trang của ta đã triển khai đánh địch trên nhiều hướng. Ý đồ hợp quân của Nhật ở Ba Bể để tiến vào Chợ Đồn bị phá tan. Ngày 2-7-1945, Nhật lại cho khoảng 100 tên mở cuộc càn vào Chợ Đồn nhằm tiêu diệt chính quyền cách mạng và thiết lập bộ máy tay sai. Quân địch mở nhiều cuộc tiến công vào trận địa phục kích của ta, nhưng các chiến sĩ quân giải phóng đã liên tiếp bẻ gãy nhiều đợt tấn công của địch, đánh bật cuộc vây càn lớn của chúng. Do bị tổn thất nặng nề, quân Nhật phải bỏ dở cuộc hành quân, quay trở lại thị xã Bắc Kạn. Cũng trong năm 1945, quân Nhật đến Đông Viên, thọc lưỡi lê lên gác nhà sàn, yêu cầu nhân dân trong xã ra tập trung để kiểm tra xem ai là Việt Minh. Ngoài ra, chúng còn bắt một số người đi phu, đi lính cho chúng, một số người đã bỏ trốn để không bị bắt đi, tiêu biểu có ông Triệu Văn Nhượng, trong lúc quân Nhật sơ hở đã trốn thoát.

Ngày 9-8-1945, Liên Xô tuyên chiến với Nhật. Ngày 15-8-1945, Nhật Hoàng tuyên bố đầu hàng quân Đồng minh vô điều kiện. Sự kiện này làm cho 6 vạn quân Nhật ở Đông Dương hoang mang. Điều kiện và thời cơ để Tổng khởi nghĩa trong cả nước đã chín muồi. Từ ngày 13

đến ngày 16-8-1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào (tỉnh Tuyên Quang), quyết định thành lập Ủy ban khởi nghĩa và ra Quân lệnh số 1, phát lệnh Tổng khởi nghĩa. Trong thư gửi đồng bào cả nước, lãnh tụ Hồ Chí Minh kêu gọi: “Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”¹. Hưởng ứng mệnh lệnh khởi nghĩa của Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh, nhân dân Đông Viên cùng nhân dân cả nước cùng nhau nổi dậy giành chính quyền.

Ngày 23-8-1945, toàn bộ quân Nhật rút khỏi thị xã Bắc Kạn. Bắc Kạn được giải phóng tạo điều kiện cho nhân dân các dân tộc Chợ Đồn bắt tay vào nhiệm vụ xây dựng, bảo vệ và củng cố chính quyền cách mạng.

Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là một bước ngoặt quan trọng trong lịch sử dân tộc ta. Đó là cuộc vùng dậy của toàn dân mang tính chất vũ trang khởi nghĩa dưới ngọn cờ của Đảng. Trong niềm vui lớn của dân tộc, nhân dân Đông Viên phấn khởi, tự hào với những thành quả cách mạng mà mình vừa giành được, kề vai, sát cánh cùng nhau bảo vệ chính quyền cách mạng non trẻ, từng bước khắc phục khó khăn, chuẩn bị nhân tài, vật lực bước vào giai đoạn mới. Thực tế cách mạng trong giai đoạn 1930 - 1945 ở xã đã chứng minh bất cứ nơi nào, lúc nào, khi có sự lãnh đạo của Đảng, có cán bộ của Đảng đến tuyên truyền

1. Hồ Chí Minh, Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tập 3, tr. 554.

là ở đây có phong trào cách mạng của nhân dân. Tinh thần yêu nước và đấu tranh anh dũng khi có sự hướng dẫn, tổ chức, chỉ đạo của Đảng đã biến thành sức mạnh quật khởi. Chặng đường đấu tranh giải phóng dân tộc 1939 - 1945 ở Đông Viên để lại những kinh nghiệm quý giá về vận dụng, thực hiện những nhiệm vụ cách mạng do Đảng đề ra vào hoàn cảnh cụ thể của địa phương.

III. NHÂN DÂN ĐÔNG VIÊN THAM GIA XÂY DỰNG, BẢO VỆ CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1945-1954)

1. Đấu tranh củng cố và giữ vững chính quyền cách mạng (1945-1947)

Ngày 2-9-1945, tại Quảng trường Ba Đình - Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thay mặt Chính phủ lâm thời và quốc dân đồng bào, trình trọng đọc bản “Tuyên ngôn độc lập” tuyên bố với thế giới khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Nhà nước công - nông đầu tiên ở Đông Nam Á. Tuyên ngôn chỉ rõ: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do, độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy”. Đây là một sự kiện vĩ đại trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Lần đầu tiên trong lịch sử, quyền dân tộc gắn với quyền dân sinh, dân chủ được thừa nhận. Nhân dân ta thực sự được hưởng độc lập, tự do, làm chủ quê hương đất nước thông qua chính quyền Nhà nước dân chủ nhân dân. Toàn dân nguyện đoàn kết ra

sức xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Từ đây, cùng với cả nước, nhân dân các dân tộc xã Đông Viên đã thoát khỏi kiếp nô lệ trở thành những công dân tự do, làm chủ vận mệnh của mình và dân tộc.

Sau cách mạng, đất nước gặp nhiều khó khăn, thử thách, nguy hiểm nhất vẫn là các thế lực đế quốc và phản động điên cuồng chống phá chính quyền cách mạng non trẻ. Thù trong, giặc ngoài, giặc đói, giặc dốt cùng một lúc hoành hành, vận mệnh dân tộc đứng trước nguy cơ một mất một còn. Nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng lúc này là bảo vệ nền độc lập vừa giành được. Phiên họp đầu tiên của Hội đồng Chính phủ (ngày 3-9-1945) do Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì đã đề ra 6 nhiệm vụ cấp bách, trong đó vấn đề cứu đói, diệt dốt và chống giặc ngoại xâm được đặt lên hàng đầu, tiến tới tổng tuyển cử theo chế độ phổ thông đầu phiếu.

Sau khi thành lập chính quyền cách mạng lâm thời, Đông Viên có những điều kiện thuận lợi cơ bản đó là khí thế cách mạng đang sôi sục, nhân dân lao động bước đầu được hưởng những quyền lợi cách mạng đem lại nên vô cùng phấn khởi, gắn bó và bảo vệ chế độ mới. Bên cạnh đó còn nhận được sự lãnh đạo, giúp đỡ tận tình của Ủy ban cách mạng lâm thời, Mặt trận Việt Minh huyện Chợ Đồn dưới sự chỉ đạo thống nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam. Tuy nhiên, sau cách mạng, tình hình kinh tế - xã hội ở địa phương còn vô vàn khó khăn về mọi mặt. Tổ chức Đảng ở địa phương chưa có, đội ngũ cán bộ chưa có nhiều kinh nghiệm trong việc tổ chức quản lý các hoạt động tại địa phương.

Trước tình hình đó, việc củng cố chính quyền cách mạng và động viên tinh thần cách mạng trong nhân dân Đông Viên được cán bộ cấp trên quán triệt là một nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, làm cơ sở vững chắc để thực thi những nhiệm vụ về an ninh, kinh tế - xã hội trên địa bàn.

Để xây dựng, củng cố chính quyền cách mạng và phát triển các đoàn thể cứu quốc, tháng 6-1945, bộ máy chính quyền huyện Chợ Đồn được củng cố và kiện toàn. Ủy ban nhân dân chính thức huyện Chợ Đồn được thành lập gồm 7 người, do ông Nguyễn Đức Thanh làm Chủ tịch. Tiếp đó, chính quyền ở các xã cũng được kiện toàn bằng hình thức bầu cử công khai, dân chủ. Chính quyền xã Đông Viên được thành lập, do đồng chí Nguyễn Đức Thường làm Chủ tịch Ủy ban lâm thời xã.

Sau khi được củng cố, bộ máy chính quyền xã Đông Viên đã phân công các ủy viên phụ trách các ban, ngành như: ban văn hóa - thông tin, ban canh nông, ban quân sự. Vào thời gian này, Đông Viên cũng có một nhà Hội đồng cứu quốc để làm trụ sở Ủy ban nhân dân, làm nơi sinh hoạt hội họp của các đoàn thể quần chúng.

Ngày 6-1-1946, cùng với nhân dân các xã trong huyện Chợ Đồn, nhân dân Đông Viên nô nức đi bỏ phiếu bầu cử Quốc hội và bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp. Ngày bầu cử thật sự là một ngày hội lớn ở Đông Viên. Lần đầu tiên người nông dân Đông Viên được thực hiện quyền công dân của một nước độc lập tự do. Với những thuận lợi đó, nhân dân Đông Viên có điều kiện để tham gia vào công cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp, bảo vệ chính quyền cách mạng, giành độc lập dân tộc.

Song song với thực hiện nhiệm vụ chính trị quan trọng, chính quyền xã luôn chú ý chăm lo đời sống nhân dân về mọi mặt. Được sự chỉ đạo trực tiếp của chính quyền cách mạng, lại có sức mạnh của lòng dân, nhất là sự năng nổ, hăng hái của lớp cán bộ trưởng thành từ trong phong trào cách mạng, nhân dân Đông Viên tập trung thực hiện các cuộc vận động lớn theo đúng tinh thần của Chính phủ lâm thời như: “diệt giặc đói”, “diệt giặc dốt”, “diệt giặc ngoại xâm”, “hưởng ứng tuần lễ vàng”...

Trong cuộc vận động “diệt giặc đói”, Đông Viên đã nhanh chóng thành lập ban cứu tế ở các làng, thôn xóm. Mặc dù hầu hết các hộ gia đình ở các thôn bản đều gặp khó khăn nhưng với tinh thần “lá lành đùm lá rách”, nhân dân đã thể hiện tình làng nghĩa xóm, tình yêu thương giúp đỡ lẫn nhau trong hoạn nạn. Đi đôi với những biện pháp trên, để giải quyết tận gốc nạn đói, toàn xã khẩn trương tập trung đẩy mạnh sản xuất, theo lời dạy của Hồ Chủ tịch “Tăng gia sản xuất ngay!”, “Tăng gia sản xuất nữa!”. Đó là cách thiết thực của chúng ta để giữ vững quyền tự do độc lập¹. Với ý thức làm chủ quê hương, nhân dân Đông Viên hăng hái tiến quân vào mặt trận sản xuất. Hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, các gia đình ở Đông Viên đều lập “hũ gạo tiết kiệm” để giúp đỡ những nơi đang gặp nạn đói. Kết quả ban đầu của cuộc vận động chống nạn đói thể hiện rõ quan điểm vì lợi ích của nhân dân, biết dựa vào quần chúng để giải quyết những khó khăn trước mắt. Đây là thắng lợi cơ bản của

1. Hồ Chí Minh tuyển tập, tập I, Nxb Sự thật, H. 1980, tr.378.

chính quyền cách mạng, tạo thuận lợi cho việc thực hiện những nhiệm vụ khác.

Để khắc phục tình trạng trống rỗng về ngân sách, ngày 4-9-1945, Chính phủ ra Sắc lệnh xây dựng “Quỹ độc lập” và tổ chức “Tuần lễ vàng”. Nhân dân Đông Viên sôi nổi hưởng ứng, thể hiện tinh thần yêu nước của nhân dân, góp phần nhỏ bé nhưng đầy ý nghĩa vào việc giải quyết khó khăn của đất nước. Mặc dù không có tiền vàng để đóng góp cho cách mạng, nhưng có nhiều người dân địa phương, như: cụ Lường Văn Bang, cụ Nguyễn Đức Thái... mỗi người đã ủng hộ 1 con bò, lợn; ông La Văn Điền ủng hộ 1 con trâu cho đoàn thể Việt Minh. Tinh thần này của các cụ vẫn được con cháu ngày nay nhắc lại và học tập.

Được cách mạng đem lại độc lập tự do, cuộc sống không còn cảnh áp bức, bóc lột như trước, nhưng trong tình hình trên 95% dân số mù chữ, nhân dân Đông Viên càng thấu hiểu hơn bao giờ hết lời dạy của Bác Hồ: “Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu”. Dưới sự chỉ đạo của Ban văn hóa xã hội và giáo dục huyện Chợ Đồn, công tác xóa nạn mù chữ trong nhân dân ở Đông Viên được đẩy mạnh. Thầy giáo Đinh Ngọc Thiện mở lớp bình dân học vụ ở xã, quy định giờ đến học để nhân dân ai cũng có thể được đi học.

Toàn dân đi học, đó là một nét rất mới trong đời sống xã hội Đông Viên. Những người lao động vốn trước đây mù chữ, đói cơm nay đã tìm thấy nguồn ánh sáng văn hóa. Phong trào này góp phần giác ngộ ý thức cách mạng, nâng cao nhận thức của nhân dân về nhiệm vụ xây dựng, củng cố, bảo vệ chính quyền vừa giành được.

Bên cạnh phong trào Bình dân học vụ, phong trào xây dựng nếp sống mới cũng được quan tâm. Chính quyền dựa vào đoàn thể quần chúng để vận động nhân dân xóa bỏ tập tục lạc hậu, mê tín. Sau một thời gian thực hiện cuộc vận động, với sự hưởng ứng của đông đảo nhân dân trong xã đã đem lại những kết quả đáng kể. Phong trào văn nghệ phát triển rầm rộ, tối nào trong các xóm, thanh niên cũng tập trung ca hát những bài ca cách mạng. Trong từng thôn xóm, cán bộ thông tin tuyên truyền tin chiến thắng, tin địa phương, những công việc phải làm, đã góp phần để người dân hiểu được đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, cổ vũ khí thế của quần chúng.

Những thành quả giành được trên mặt trận sản xuất và mặt trận văn hóa xã hội đã nhanh chóng làm thay đổi bộ mặt nông thôn Đông Viên, đặt nền móng đầu tiên cho sự hình thành và phát triển nền văn hóa mới, quan hệ xã hội mới, tạo nên những thay đổi quan trọng trong đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Người dân Đông Viên càng thêm gắn bó với cách mạng một cách tự nguyện.

Sự lớn mạnh trong các phong trào cách mạng ở Chợ Đồn nói chung, Đông Viên nói riêng cũng như nhiệm vụ xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân lúc này đòi hỏi phải có sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng bộ địa phương. Do đó, ngày 1-12-1946, Chi bộ Đảng đầu tiên của huyện Chợ Đồn được thành lập, đồng chí Lê Quang Kháng được chỉ định làm Bí thư. Chi bộ Đảng Chợ Đồn ra đời có ý nghĩa lịch sử quan trọng đối với phong trào cách mạng ở huyện, dưới sự lãnh đạo của Chi bộ, nhân dân các dân tộc trong huyện (trong đó có Đông Viên) tiếp tục tiến hành cuộc

kháng chiến chống thực dân Pháp, thực hiện cuộc cách mạng dân chủ nhân dân.

Từ cuối tháng 11-1946, tình hình đất nước ngày càng trở nên phức tạp. Ngày 20-11-1946, thực dân Pháp đánh chiếm Hải Phòng và thị xã Lạng Sơn. Đặc biệt, 2 ngày 17 và 18-12-1946, chúng trắng trợn gây nhiều vụ khiêu khích ở Thủ đô Hà Nội, khước từ đề nghị tiếp xúc thương lượng của Chính phủ ta. Thực dân Pháp đã làm trái với những điều khoản của bản Tạm ước ngày 14-9. Để bảo vệ, giữ vững nền độc lập tự do vừa giành được, Trung ương Đảng quyết định phát động nhân dân cả nước kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Đêm 19-12-1946, tiếng súng kháng chiến toàn quốc của nhân dân ta đã nổ rền vang tại Thủ đô Hà Nội và nhiều địa phương khác trong cả nước. Chủ tịch Hồ Chí Minh ra *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*:

“Hỡi đồng bào toàn quốc!

Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa!

Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ...”¹

Ngày 12-12-1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị *Toàn dân kháng chiến*, nêu tóm tắt nội dung

1. Hồ Chí Minh, toàn tập, tập 4, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội 1995, tr:480.

đường lối và chính sách kháng chiến. Ban cán sự Đảng và chính quyền huyện Chợ Đồn đề ra công việc cấp bách trước mắt là: chuẩn bị tinh thần, vật lực để tiến hành kháng chiến; đẩy mạnh tuyên truyền chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Bác Hồ, tăng cường khối đoàn kết toàn dân; củng cố và phát triển lực lượng du kích, sẵn sàng đánh địch khi chúng tới tấn công.

Từ cuối năm 1946 đầu năm 1947, với địa thế chính trị, quân sự quan trọng, huyện Chợ Đồn đã được Trung ương Đảng chọn làm nơi xây dựng an toàn khu (A.T.K) của cuộc kháng chiến toàn quốc. Nhiều cơ quan, công xưởng của Trung ương được chuyển đến các địa điểm ở Chợ Đồn. Với vị trí ATK kháng chiến, Chi bộ Đảng Chợ Đồn chỉ đạo nhân dân tích cực chuẩn bị lực lượng, sẵn sàng chiến đấu đánh bại mọi âm mưu của địch bảo vệ quê hương, bảo vệ an toàn cho các cơ quan đóng tại địa phương. Nhân dân các dân tộc ở Đông Viên nói riêng, nhân dân Chợ Đồn nói chung đã bỏ ra hàng trăm ngày công lao động, ủng hộ hàng vạn cây tre, gỗ, nứa... để xây dựng nơi ở và làm việc cùng các kho tàng, xưởng máy của các cơ quan kháng chiến. Khẩu hiệu “ba không”¹ được tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân.

Cùng với xây dựng an toàn khu kháng chiến, Chi bộ Đảng Chợ Đồn đã triển khai thực hiện cuộc vận động ít

1. Không nói chuyện làm lộ bí mật; không nghe những điều không liên quan đến mình; không chỉ đường và nói chuyện làm lộ bí mật với người lạ mặt.

nhất mỗi đảng viên chính thức phải bồi dưỡng và giới thiệu được một quần chúng có đủ tiêu chuẩn kết nạp vào Đảng. Trong thời gian này, Đảng đang hoạt động nửa bí mật nửa công khai nên cuộc vận động không thể triển khai một cách rầm rộ. Ở Đông Viên trong năm 1947, có đồng chí Nguyễn Văn Uẩn đã vinh dự được kết nạp vào hàng ngũ của Đảng.

Cũng trong năm 1947, thực hiện chỉ đạo của Ban Châu ủy Chợ Đồn, Chi bộ liên xã Phương Viên (gồm các xã: Phương Viên, Đông Viên, Rã Bản, Bằng Phúc) và Chi bộ liên xã Thắng Lợi được thành lập. Đến cuối 1947, chi bộ liên xã Nhu Viễn cũng được thành lập. Như vậy, tổ chức Đảng được xây dựng hầu khắp các xã trong huyện. Đây là điều kiện thuận lợi để nhân dân Đông Viên nói riêng tham gia công cuộc chuẩn bị kháng chiến và chiến đấu chống thực dân Pháp.

Thực hiện chủ trương của Ban quân sự huyện, dân quân du kích xã được huấn luyện có nền nếp theo chương trình huấn luyện để bổ sung và nâng cao kỹ thuật tác chiến mới như đánh giáp lá cà, đánh quân nhảy dù, đánh địa lôi, cắm chông, gài mìn...

Ngày 7-10-1947, thực dân Pháp huy động khoảng 12.000 quân tinh nhuệ mở cuộc tấn công lên Việt Bắc nhằm bao vây và tiêu diệt các cơ quan đầu não kháng chiến của ta để nhanh chóng kết thúc chiến tranh. Chúng cho ném bom, bắn phá thị xã Bắc Kạn, sau đó cho quân nhảy dù xuống Tổng Trì (cánh đồng ở phía đường đi Chợ Đồn) và bãi song Phặc Tràng. Từ hai địa điểm đó, chúng

tỏa ra đánh chiếm một số vị trí trong khu vực thị xã. Ngày 8-10-1947, Pháp cho 4 đại đội dù tập kích chiếm huyện Chợ Đồn. Nhảy dù xuống Chợ Đồn, quân Pháp chiếm đóng vị trí đồn cũ ở Phương Viên và một bộ phận đóng chốt ở Đông Viên để không ché con đường Bắc Kạn - Chợ Đồn. Từ các vị trí trên, quân Pháp nhanh chóng triển khai lực lượng mở các cuộc càn quét vào các xã trong huyện, trong đó có Đông Viên. Được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Đảng bộ huyện Chợ Đồn nhanh chóng khắc phục khó khăn, triển khai các phương án đánh địch. Phối hợp với lực lượng dân quân du kích ở các xã, lực lượng dân quân du kích huyện đã tổ chức giữ vững giao thông liên lạc, bảo vệ mùa màng, giúp nhân dân gặt lúa, vận động triệt để thực hiện “vườn không nhà trống” và tiếp tục phá hoại các tuyến đường giao thông để chặn đánh địch.

Do được phổ biến địch có thể nhảy dù xuống Chợ Đồn, nên trước đó du kích xã Đông Viên đã tổ chức cắm chông ở các bãi đất trống trên địa bàn xã. Khi Pháp nhảy dù, có một vài dù lạc xuống Nà Dân, Nà Chào (xã Đông Viên), do chủ quan nên du kích chỉ mang một số vũ khí thô sơ đến bắt địch, nhưng do địch xả súng xuống, du kích phải rút lui để bảo toàn lực lượng. Trận này, một số tên địch bị thương do va phải các bãi chông của ta, ông Hứa Văn Lưu đã thu được một khẩu súng 60 ly nòng cho bộ đội.

Tại Đông Viên, sau khi địch nhảy dù xuống, dân quân du kích xã phối hợp với trung đoàn 72 phục kích đánh địch ở Nà Đải. Khi ta tập kích xuống cánh đồng Nà Lộc, địch phục kích ta ở sau lưng. Trận này, một bộ đội của ta

hy sinh ở Đồi Chùa, một anh nuôi đưa cơm cũng bị bắn chết trên đường từ Đồi Chùa đến Nà Chang.

Đội du kích của xã Đông Viên do đồng chí Nguyễn Tiến Tương làm trung đội trưởng tự vệ đã được huy động để chặn đánh địch, tổ chức phục kích và xây dựng thêm các trận địa mới trên các ngã đường từ Phương Viên đi Ngọc Phái, Rã Bản, Đại Sào. Các lực lượng vũ trang đầy mạnh hoạt động, tổ chức các trận đánh quấy rối, làm cho địch rơi vào tình trạng lo sợ. Cũng trong năm 1947, trong một lần bị địch phục kích, đồng chí Hà Văn Quảng - du kích xã đã hy sinh sau khi đi họp về. Đồng chí Nguyễn Tiến Vinh hy sinh trong lúc du kích triển khai gác đêm ở Khau Chủ để nhân dân đi gặt lúa đã bị địch ở Chợ Đồn xuống lòng sục và bắn chết.

Ngày 10-10-1947, trung đội du kích huyện Chợ Đồn đã phối hợp với bộ phận học viên trường võ bị Trần Quốc Tuấn tổ chức phục kích địch tại Kéo Phay. Lợi dụng địa thế hiểm trở, quân ta bố trí mai phục, chờ địch lọt vào trận địa rồi đồng loạt nổ súng. Từ ngày 10 đến 17-10-1947, nhân dân Chợ Đồn đã tổ chức nhiều trận phục kích địch, giành được chiến thắng, khiến cho địch bị sa lầy trong thế trận chiến tranh nhân dân, các vị trí chiếm đóng của Pháp dần bị cô lập, buộc chúng phải rút khỏi Chợ Đồn (3-11-1947). Chợ Đồn được giải phóng, đây chính là nguồn cổ vũ mạnh mẽ nhân dân các dân tộc trong huyện nói chung, nhân dân Đông Viên nói riêng phấn khởi đẩy mạnh sản xuất và tích cực góp phần chiến đấu đánh bại cuộc tấn công lên Việt Bắc của thực dân Pháp.

Ngày 21-11-1947, trong cuộc họp tại nhà ông Hoàng Văn Hồi ở thôn Nà Chanh (xã Bằng Phúc), do đồng chí Tô Đình Táy chủ trì đã công nhận và chỉ định 3 đồng chí Bí thư Chi bộ của 3 xã. Chi bộ lâm thời xã Đông Viên được thành lập, do đồng chí Triệu Đình Tần làm Bí thư Chi bộ. Trong cuộc họp, 3 đồng chí: Triệu Đình Tần, Nguyễn Văn Uẩn, Nguyễn Đức Thái là ba hạt giống đỏ đầu tiên của Chi bộ xã Đông Viên, 3 đồng chí cũng là người nhận nhiệm vụ lãnh đạo 3 xã Đông Viên, Rã Bản, Đại Sảo. Sự ra đời của Chi bộ lâm thời xã Đông Viên là điều kiện để thành lập Chi bộ Đảng chính thức vào năm 1948. Đây cũng chính là cơ sở để phong trào cách mạng ở địa phương phát triển, hòa nhịp với phong trào cách mạng chung trong huyện cũng như cả nước.

2. Chi bộ Đảng Đông Viên thành lập và lãnh đạo nhân dân kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp (1948-1954)

Sau hơn hai năm giành chính quyền và cùng cả nước xây dựng cuộc sống mới, nhân dân Đông Viên tự hào vì đã đóng góp một phần sức lực của mình vào công cuộc diệt giặc đói, giặc dốt và khắc phục tình trạng trống rỗng ngân sách của Nhà nước. Với chính thể mới, xã đã khắc phục nhiều khó khăn, đạt được những thành tích đáng phấn khởi. Chính quyền cách mạng, mặt trận và các đoàn thể quần chúng cứu quốc trên địa bàn xã được củng cố vững chắc. Lực lượng quần chúng lúc đầu từ chỗ tập hợp theo kiểu đánh trống ghi tên, nhưng qua thực tế các cuộc vận động đã phát huy được hiệu quả, đội ngũ cán bộ trưởng

thành. Mặc dù cách mạng vẫn còn những khó khăn trước mắt, nhưng những thành tích mà cán bộ, nhân dân Đông Viên đạt được là điều kiện cần thiết để bước xã vào cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp xâm lược.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc chỉ đạo xây dựng phong trào cách mạng, đáp ứng với nhiệm vụ ngày càng cao của cuộc kháng chiến, năm 1948, Chi bộ Đảng xã Đông Viên chính thức được thành lập tại nhà ông Nguyễn Phúc Châu (thôn Cốc Lùng). Đồng chí Nguyễn Đức Thái được chỉ định làm Bí thư Chi bộ; các đồng chí ủy viên gồm có: Hoàng Thị Thục, Nguyễn Phúc Châu, Nguyễn Lương Đại, Hoàng Văn Sù, Phan Ngọc Cương, Nông Văn Lường, Nguyễn Phúc Phủ, Triệu Văn Tần, Nông Văn Đồng, Nguyễn Văn Uẩn.

Chi bộ Đảng được thành lập là sự kiện có ý nghĩa lịch sử quan trọng đối với nhân dân Đông Viên. Từ đây, dưới sự lãnh đạo thống nhất của Chi bộ, nhân dân Đông Viên bắt tay vào công cuộc kháng chiến, phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội.

Sau chiến thắng Việt Bắc thu đông 1947, Chợ Đồn là vùng tự do, tuy nhiên, với địa thế quan trọng, quân và dân trong huyện vẫn đề phòng âm mưu tấn công của thực dân Pháp. Thực hiện chỉ đạo của Huyện ủy, ban chỉ huy xã đội Đông Viên được kiện toàn, đồng chí Nông Văn Lường làm Xã đội trưởng. Lực lượng dân quân du kích xã được củng cố, xã Đông Viên cùng các xã Phương Viên, Thành Công được Tỉnh ủy Bắc Kạn đánh giá: cho tới tháng 4-1949, đây là 3 trong 6 xã trong toàn tỉnh “đã được củng cố, làm

cho du kích địa phương trưởng thành, hoàn thành mọi nhiệm vụ”. Là xã có vị trí chiến lược quan trọng, nằm trên con đường tiếp cận với Bắc Kạn, thực hiện chủ trương của tỉnh và phương án tác chiến của huyện đội bộ dân quân, Đông Viên đã tổ chức củng cố, kiện toàn lực lượng du kích, tăng cường huấn luyện, sẵn sàng đối phó với mọi tình huống khi có chiến sự xảy ra, khi cần có thể chi viện kịp thời để giải phóng Bắc Kạn. Đông Viên cũng là một trong hai xã của huyện Chợ Đồn được huy động phục vụ trực tiếp cho chiến dịch giải phóng Bắc Kạn. Công tác huy động thanh niên gia nhập bộ đội, đồng thời vận động nhân dân tích cực đóng góp, ủng hộ lương thực, của cải cho lực lượng vũ trang được tích cực thực hiện.

Từ năm 1949-1954, Đông Viên cùng với các xã trong huyện Chợ Đồn tiếp tục xây dựng và bảo vệ hậu phương, phục vụ tiền tuyến. Năm 1950, Bác Hồ đi công tác qua Bắc Kạn có nghỉ và ăn cơm tại nhà ông Nguyễn Triệu Kiên. Tối đến, Bác cùng đoàn cán bộ được đồng chí Nguyễn Đức Thái đưa đến nói chuyện với cán bộ trong xã, sau đó đưa Bác về Mường Choòng (là nơi bí mật trong quá trình hoạt động cách mạng) để nghỉ. Đây là một vinh dự lớn của nhân dân Đông Viên, góp phần nâng cao quyết tâm thực hiện tốt mọi nhiệm vụ được giao.

Thực hiện chủ trương của cấp trên, dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy Chợ Đồn, hệ thống chính trị xã được củng cố, kiện toàn một bước. Các ban chấp hành thanh niên, phụ nữ... được củng cố về tổ chức. Những phần tử cơ hội, thiếu gương mẫu bị đưa ra khỏi Đảng, thay thế là những người có uy tín, năng lực.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy Bắc Kạn về khôi phục mạng lưới giao thông, Chi bộ Đảng xã Đông Viên đã huy động nhân dân địa phương đi dân công sửa chữa cầu, đường, đảm bảo thông xe trên các trục đường chính. Từ năm 1951-1952, xã đã huy động mỗi đợt vài chục dân công đi tham gia chiến dịch cầu đường, chủ yếu là làm đường, chuyển thanh tà vẹt, phục vụ các chiến dịch.

Cùng với việc khẩn trương khôi phục, sửa chữa cầu đường, Chi bộ Đảng xã Đông Viên lãnh đạo nhân dân đẩy mạnh sản xuất, từng bước cải thiện đời sống, đồng thời đảm bảo cung cấp kịp thời về lương thực, thực phẩm cho cuộc kháng chiến. Diện tích canh tác được mở rộng, ngoài trồng lúa, nhân dân còn trồng thêm các loại hoa màu, cây công nghiệp. Các phong trào thi đua: sản xuất tiết kiệm, cày sâu bừa kỹ, chiến dịch vụ mùa thắng lợi. Sản lượng lương thực tăng lên, đời sống nhân dân được cải thiện, việc đóng góp cho bộ đội cũng được đảm bảo.

Sản xuất phát triển, các nghĩa vụ đối với Nhà nước đều được nhân dân Đông Viên hoàn thành, nhân dân tích cực tham gia thi đua bán thóc cho cụ Hồ, phong trào lập “Hũ gạo nuôi quân”, “Mùa đông binh sĩ”...

Tháng 8-1952, máy bay của Pháp tập trung vào việc dò xét, ném bom phá hoại các cơ quan, kho tàng đóng ở Đông Viên và một số xã khác trong huyện. Trước tình hình đó, Chi bộ Đảng xã đã lãnh đạo nhân dân tăng cường phòng gian, bảo mật, hết sức cảnh giác và thực hiện các biện pháp phòng chống, bảo vệ mùa màng, kho tàng, tài sản và tính mạng của nhân dân.

Cùng với việc chống lại sự càn quét của địch, nhân dân Đông Viên đã tích cực đẩy mạnh phong trào tăng gia sản xuất nhằm cải thiện đời sống nhân dân và cung cấp lương thực, thực phẩm cho kháng chiến. Bên cạnh đó, Chi bộ luôn quan tâm đến công tác phát triển văn hóa, giáo dục, y tế để không ngừng nâng cao dân trí và sức khỏe cho nhân dân.

Từ sau khi Chợ Đồn được giải phóng, công tác giáo dục ở huyện có bước phát triển. Huyện đã xây dựng một trường tiểu học ở Đông Viên, nên con em ở xã đi học tăng lên nhiều. Các lớp bình dân học vụ được phục hồi, khẩu hiệu “đi học là yêu nước” trở thành nhận thức sâu sắc của mọi người dân trong xã. Nhân dân hăng hái đi học, không kể già, trẻ, gái, trai.

Phong trào văn hóa, văn nghệ quần chúng cũng được phát động sôi nổi. Ban thông tin tuyên truyền của xã có vai trò to lớn trong việc tổ chức chỉ đạo phong trào.

Công tác y tế, chăm lo bảo vệ sức khỏe của nhân dân được Chi bộ Đảng đặc biệt quan tâm. Đông Viên là địa điểm đặt phòng phát thuốc của huyện Chợ Đồn, tuy phạm vi phục vụ còn nhỏ hẹp, nhưng đã góp phần cải thiện công tác chữa bệnh ở xã. Phong trào vệ sinh yêu nước, thực hiện “sạch làng tốt ruộng”, “ăn chín uống sôi” được phát động rộng rãi. Ý thức phòng bệnh, trị bệnh trong nhân dân được nâng cao hơn. Sức khỏe của nhân dân trong xã được đảm bảo, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đẩy mạnh các hoạt động kháng chiến ở địa phương.

Để có được những thành tựu trên là do có sự nỗ lực phấn đấu của nhân dân các dân tộc trong xã, bên cạnh đó

là do sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ huyện, mà trực tiếp là Chi bộ Đông Viên. Những kết quả này đánh dấu quá trình trưởng thành của Chi bộ Đảng, đây chính là nền tảng để Chi bộ chèo lái con thuyền cách mạng địa phương đạt được những thành tựu nhất định.

Bên cạnh chỉ đạo phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, công tác phát triển, củng cố tổ chức Đảng được Chi bộ chú trọng. Từ cuối năm 1947 đến 1954, Chi bộ kết nạp được 13 đảng viên.

Trong công tác xây dựng Đảng, Chi bộ coi trọng công tác thanh tra, củng cố tổ chức, kiên quyết đưa những đảng viên thoái hóa, biến chất và những phần tử cơ hội ra khỏi hàng ngũ của Đảng. Cuộc vận động “học tập lý luận, rèn luyện đạo đức cách mạng”, cuộc thi đua “rèn luyện Đảng tính” được phát động rộng rãi trong cán bộ, đảng viên và nhân dân. Từ đó, trình độ giác ngộ, ý thức cách mạng trong đảng viên được nâng lên rõ rệt.

Năm 1953, thực hiện chủ trương của cấp trên, 3 xã: Đông Viên, Rã Bản, Đại Sảo được sáp nhập thành xã Đồng Thắng. Từ đây, xã Đông Viên dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Chi bộ Đảng xã Đồng Thắng. Khi thành lập xã Đồng Thắng, Đông Viên có một tổ Đảng.

Với hệ thống chính trị mới được kiện toàn, Chi bộ Đồng Thắng cùng nhân dân các dân tộc tích cực tham gia các chiến dịch, cùng cả nước đánh đuổi thực dân Pháp ra khỏi bờ cõi nước ta. Năm 1953, dân công ở Đông Viên đã được tập trung cùng với dân công trong huyện tiến hành sửa chữa, mở rộng đường 29, bảo đảm xe trâu đi lại từ

Đông Viên qua Tùm Tó đến Bản Cậu (Yên Thịnh) và có thể đi xe đạp từ Đông Viên ra thị xã Bắc Kạn. Đến năm 1954, công tác vận chuyển kho tàng trở thành một yêu cầu cấp thiết phục vụ chiến dịch Điện Biên Phủ, nhân dân Đông Viên cùng với nhân dân trong huyện Chợ Đồn đã tổ chức đoàn xe trâu và lương thực vận chuyển ra Bắc Kạn và chuyển về kho Chợ Chu (Định Hóa, Thái Nguyên).

Trong 56 ngày đêm kiên cường chiến đấu, quân và dân ta đã lập nên kỳ tích “chấn động địa cầu” đánh tan tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ mà thực dân Pháp đã tuyên bố với cả thế giới là “pháo đài bất khả xâm phạm”. Ngày 21-7-1954, Hiệp định Giơ-ne-vơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình trên toàn cõi Đông Dương được ký kết. Theo quy định, quân đội hai bên rút về vị trí tập kết ở hai miền Nam - Bắc, miền Bắc nước ta được hoàn toàn giải phóng.

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân cả nước trải qua bao gian khổ nhưng cuối cùng giành thắng lợi vẻ vang. Trong suốt thời gian đó, nhân dân Đông Viên đã có những đóng góp tích cực vào sự nghiệp cách mạng chung.

Từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến tháng 12-1946 là một thời kỳ rất quan trọng, thời kỳ củng cố những thắng lợi đã giành được, chuẩn bị điều kiện để bước vào một cuộc chiến tranh cách mạng đầy khó khăn. Kinh nghiệm lớn nhất của thời kỳ này là: Sức dân và lòng dân là gốc rễ của mọi thắng lợi.

Từ tháng 12-1946 đến tháng 7-1954 là thời kỳ cán bộ, đảng viên và nhân dân Đông Viên chiến đấu rất kiên

cường, đóng góp xứng đáng vào thắng lợi chung của cuộc kháng chiến chống Pháp.

Làm nổi lên những trang sử rạng rỡ trong cuộc kháng chiến này, trước hết là Chi bộ Đảng Đông Viên vững mạnh, với những đảng viên luôn phát huy phẩm chất người cộng sản, không quản hiểm nguy, gian khổ, hy sinh, bám đất bám dân, gây dựng phong trào, xứng đáng là đảng viên tiên phong trong phong trào kháng chiến ở địa phương. Là sự chỉ đạo đúng đắn của Chi bộ khi đã luôn quán triệt, vận dụng đúng đắn, sáng tạo đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ và tự lực cánh sinh của Đảng vào hoàn cảnh cụ thể của địa phương, khơi dậy được truyền thống yêu nước của nhân dân, phát huy truyền thống đoàn kết để tập hợp nhân dân trong xã, tạo được sức mạnh tổng hợp để huy động sức người, sức của cho công cuộc kháng chiến, kiến quốc. Là các gia đình cơ sở kháng chiến, chất chiu từng hạt gạo gửi ra chiến trường, đêm đêm lặng lẽ đào hầm nuôi giấu cán bộ, du kích, lòng luôn hướng về Đảng, Chính phủ và Bác Hồ kính yêu... Là những chiến sĩ bộ đội, du kích Đông Viên gan góc dũng cảm lên đường ra mặt trận chiến đấu. Là nhiều liệt sĩ, thương binh Đông Viên đã đổ máu xương để giữ gìn nền độc lập và giải phóng quê hương.

Từ tháng 8-1954, trên mảnh đất còn ngổn ngang dấu tích của những ngày kháng chiến gian khổ và oanh liệt, Chi bộ Đảng và nhân dân Đông Viên bước vào giai đoạn mới: Tiến hành khôi phục kinh tế - xã hội, xây dựng đời sống mới trên quê hương.

Chương III

ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN ĐÔNG VIÊN THỰC HIỆN HAI NHIỆM VỤ CHIẾN LƯỢC XÂY DỰNG, BẢO VỆ MIỀN BẮC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ ĐẤU TRANH THỐNG NHẤT NƯỚC NHÀ (1954-1975)

I. KHÔI PHỤC, PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NHÀ NƯỚC 5 NĂM LẦN THỨ NHẤT (1954-1965)

1. Chi bộ Đảng Đồng Thắng lãnh đạo nhân dân khôi phục kinh tế, thực hiện cải cách ruộng đất và phong trào xây dựng hợp tác xã nông nghiệp (1954-1960)

Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ ngày 7-5-1954 và Hiệp định Giơ-ne-vơ đã kết thúc thắng lợi sự nghiệp kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của dân tộc ta. Miền Bắc hoàn toàn giải phóng, song đất nước vẫn tạm thời bị chia cắt thành 2 miền Nam - Bắc. Trước tình hình mới, Nghị quyết của Bộ Chính trị tháng 9-1954 đã đề ra nhiệm vụ chiến lược cho cả 2 miền: Miền Bắc tiến lên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội, ủng hộ đồng bào miền Nam tiếp tục đấu tranh thực hiện nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, tiến tới thống nhất nước nhà. Đối

với miền Bắc, trước khi thực hiện nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội phải trải qua giai đoạn tiếp quản vùng mới giải phóng, hàn gắn vết thương chiến tranh, phục hồi kinh tế, giảm bớt những khó khăn về đời sống cho nhân dân.

Nhân dân Đồng Thắng phấn khởi bước vào thực hiện nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới với thuận lợi cơ bản: Chi bộ Đảng, chính quyền được kiện toàn về tổ chức, đội ngũ cán bộ, đảng viên đã được rèn luyện trong kháng chiến. Không còn lo lắng giặc càn, bom đạn bắn phá, nhân dân bắt tay vào sản xuất trong hòa bình. Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi đó, nhân dân Đồng Thắng gặp nhiều khó khăn, phức tạp cần khắc phục: Sau Hiệp định Giơ-ne-vơ, địch tăng cường hoạt động gián điệp, tung tay sai về dụ dỗ, cưỡng ép đồng bào di cư vào Nam... Một số vấn đề tâm lý, tư tưởng nảy sinh trong cán bộ, du kích và nhân dân xã cần phải được giải quyết. Trước tình hình đó, Chi bộ Đảng đã chú trọng công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, đẩy mạnh thực hiện chính sách đoàn kết dân tộc.

Thực hiện chủ trương của Đảng và Chính phủ, dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Huyện ủy, Chi bộ Đảng Đồng Thắng đã lãnh đạo nhân dân trong xã thực hiện những nhiệm vụ của cuộc cách mạng, nhằm đáp ứng nguyện vọng của nông dân và những đòi hỏi của cuộc kháng chiến. Tháng 2-1954, tỉnh Bắc Kạn chỉ đạo giảm tô ở 7 xã, trong đó Đông Viên (xã Đồng Thắng) là một trong 2 đơn vị của huyện Chợ Đồn. Với số ruộng đất phát canh tương đối lớn so với các xã khác trong huyện, cũng là nơi áp bức

giai cấp nặng nề hơn, nên cuộc vận động “phóng tay phát động quần chúng giảm tô” được thực hiện triệt để ở xã. Đông đảo nhân dân, nhất là bản cố nông từ chỗ còn e ngại, được cán bộ giảm tô tổ chức đã mạnh dạn đấu tranh đòi giảm tô, giảm tức. Thắng lợi của cuộc vận động ở Đông Viên và Phương Viên đã góp phần thiết lập một trật tự xã hội mới ở nông thôn, ách bóc lột của địa chủ được xóa bỏ, bản cố nông đã được hưởng những quyền lợi thiết thực. Tuy nhiên, do mắc phải những sai lầm, nên năm 1954 Chi bộ Đảng ở Đông Viên đã bị giải tán. Đến cuối năm 1956, thực hiện chủ trương sửa sai của Đảng và Chính phủ, dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy Chợ Đồn về kiên quyết sửa sai, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện tổ chức hội nghị đảng viên ở Đông Viên để quán triệt chủ trương, chính sách của Đảng, đồng thời phục hồi về tổ chức Chi bộ Đảng với 20 đảng viên. Bên cạnh đó, huyện cũng đã bổ sung thêm cán bộ vào Ban Chi ủy xã, phục chức lại cho một số đồng chí. Đồng chí Đinh Văn Vịnh làm Bí thư Chi bộ.

Chi bộ được củng cố, chính quyền và các đoàn thể như: nông hội, công an, phụ nữ của Đông Viên cũng được củng cố về tổ chức, nhiều đồng chí được phục chức, trở lại hoạt động. Sau sửa sai, tình đoàn kết trong nội bộ Đảng và nhân dân ngày càng được tăng cường.

Năm 1957, xã Đồng Thắng được tách thành 3 xã: Đồng Thắng (Đông Viên), Đức Thượng (Rã Bản), Đại Thắng (Đại Sào). Sau khi ổn định địa giới hành chính, với vai trò là hậu phương kháng chiến, Chi bộ Đảng xã Đồng Thắng tập trung lãnh đạo nhân dân khôi phục và

phát triển kinh tế. Chi bộ phát động phong trào vận động sản xuất, đưa ruộng hoang hóa vào canh tác. Các loại cây lương thực, hoa màu ngắn ngày (ngô, khoai, sắn...) được đưa vào canh tác. Công tác thủy lợi được coi là biện pháp hàng đầu để nâng cao năng suất cây trồng, hệ thống mương, phai, giếng, ao được sửa chữa và đào mới. Bên cạnh đó, Ban Chi ủy xã đã thực hiện cuộc vận động đồng bào dân tộc Dao sống định canh, định cư, hạ sơn làm lúa nước, giúp đỡ về trâu bò, nông cụ, giống, hỗ trợ lương thực cho họ, góp phần quan trọng đẩy mạnh sản xuất và ổn định đời sống của đồng bào Dao.

Trong những năm 1956-1957, sản xuất lương thực ở xã dần được phục hồi, đời sống của nhân dân ngày càng ổn định. Chi bộ chỉ đạo nhân dân đẩy mạnh gieo trồng lúa chiêm và nam ninh, làm thủy lợi đảm bảo nước tưới cho đồng ruộng. Ngoài trồng lúa, nhân dân còn trồng các loại cây hoa màu như: ngô, sắn, khoai lang, khoai sọ, các loại đỗ... để hỗ trợ cải thiện đời sống. Chăn nuôi cũng phát triển nhằm đảm bảo sức kéo cũng như thực phẩm cho miền xuôi. Chăn nuôi trâu, bò, gà, lợn... ngày càng được chú trọng trong các hộ gia đình.

Sau ngày hòa bình lập lại, công tác giáo dục, y tế tiếp tục được Chi ủy, chính quyền xã quan tâm, chỉ đạo. Về công tác giáo dục, tuyên truyền vận động nhân dân tích cực tham gia phong trào bình dân học vụ. Điều kiện học tập được cải thiện nên chất lượng đào tạo cũng được củng cố, tăng về số lượng, nâng cao về chất lượng.

Về công tác y tế, các phong trào “ăn chín, uống sôi”, “sạch làng, tốt ruộng” được phát động rộng rãi trong toàn dân và được nhân dân nhiệt tình hưởng ứng. Công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho quần chúng nhân dân được đảm bảo. Trong điều kiện vật chất còn gặp nhiều khó khăn, nhưng với tinh thần tận tâm vì người bệnh, Chi bộ, chính quyền và nhân dân đã cùng nhau vượt qua mọi khó khăn.

Đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân cũng có những tiến bộ, việc thực hiện nếp sống văn hóa mới, bài trừ các tệ nạn xã hội, mê tín dị đoan, hủ tục trong cưới xin, ma chay, lễ hội được triển khai sâu rộng.

Về công tác an ninh - quốc phòng, công tác xây dựng lực lượng, đảm bảo an ninh trật tự làng xóm được quan tâm. Công tác huấn luyện, giữ gìn an ninh trật tự xã hội ở Đồng Thắng được giữ vững. Đội dân quân du kích xã phối hợp với công an xã tăng cường trị an, góp phần đảm bảo ổn định chính trị ở địa phương.

Công tác xây dựng Đảng được chú trọng nhằm đáp ứng yêu cầu cách mạng trong tình hình mới. Mặc dù trong tình hình mới còn có nhiều khó khăn, nhưng các đồng chí đảng viên trong xã luôn nêu cao tính tiên phong, gương mẫu, chấp hành tốt kỷ luật và Điều lệ Đảng nên được quần chúng tin yêu và ủng hộ. Do đó, Chi bộ ngày càng trưởng thành và vững mạnh.

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức quần chúng khác từng bước được củng cố, luôn nêu cao vai trò, trách nhiệm

của tổ chức trong sự nghiệp cách mạng ở địa phương. Hội Phụ nữ xã, Đoàn Thanh niên Đồng Thắng có vai trò lớn trong việc vận động hội viên, đoàn viên tham gia sản xuất, đi đầu trong phong trào làm thủy lợi, phân bón, áp dụng các biện pháp kỹ thuật nông nghiệp, tham gia dân quân, du kích.

Như vậy, đến hết năm 1957, Đồng Thắng đã cơ bản khôi phục, hàn gắn vết thương chiến tranh, phát triển kinh tế - văn hóa, hoàn thành cải cách ruộng đất. Thông qua đó, đội ngũ cán bộ, đảng viên cũng ngày càng trưởng thành về mọi mặt. Công tác cán bộ, phát triển đảng viên mới, công tác tuyên truyền chính sách của Đảng và giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân đã được quán triệt và thực hiện tốt.

Sau 3 năm thực hiện khôi phục kinh tế, miền Bắc bước vào thời kỳ cải tạo xã hội chủ nghĩa. Trong thư chúc mừng năm mới ngày 1-1-1958, Chủ tịch Hồ Chí Minh công bố trước toàn thể nhân dân: “Thời kỳ khôi phục kinh tế đã kết thúc và mở đầu thời kỳ phát triển kinh tế một cách có kế hoạch. Đó là một tiến bộ mới... phát triển kinh tế và văn hóa tức là dần dần xây dựng chủ nghĩa xã hội. Xây dựng chủ nghĩa xã hội là một cuộc đấu tranh cách mạng phức tạp, gian khổ và lâu dài”¹.

Tháng 11-1958, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa II họp Hội nghị lần thứ 14 ra Nghị quyết về nhiệm

1. Hồ Chí Minh: Toàn tập, tập 8, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.483.

vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trong 3 năm (1958 - 1960) và nhấn mạnh: “Kinh tế nước ta căn bản là kinh tế nông nghiệp. Chúng ta phải lấy hợp tác hóa nông nghiệp làm khâu chính để thúc đẩy toàn bộ công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa”¹. Đồng thời chỉ rõ: “Hợp tác hóa là con đường đúng đắn duy nhất để đưa nông thôn miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội”².

Thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Chợ Đồn bước vào thực hiện kế hoạch cải tạo xã hội chủ nghĩa (1958-1960). Chi bộ, chính quyền và các đoàn thể xã Đông Thắng đã phân công từng đảng viên, hội viên xuống từng thôn tiến hành sâu rộng về con đường làm ăn tập thể và giao trách nhiệm cho họ nhằm tạo ra nòng cốt trong phong trào hợp tác hóa.

Năm 1959, Đông Thắng đã xây dựng được 3 hợp tác xã: hợp tác xã Nà Vắn (gồm Nà Vắn, Nà Cọ, Bản Cáo) do ông Nông Văn Đông làm Chủ nhiệm; hợp tác xã Khau Chủ (gồm Cốc Coọng, Khau Chủ, Cốc Lùng) do ông Nguyễn Phúc Sương làm Chủ nhiệm; hợp tác xã Nà Kệt (gồm Nà Chang, Nà Pèng, Nà Lào, Nà Kệt) do ông La Văn Kỳ làm Chủ nhiệm. Rõ ràng làm ăn tập thể đã có sức thuyết phục, quan hệ sản xuất mới bước đầu được xác lập, thu hút hầu hết các hộ vào hợp tác xã. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng trong cán bộ, nhân dân về xây dựng hợp tác hóa nông nghiệp được triển khai sâu rộng, bảo đảm

1,2. Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 14, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam xuất bản, 1959, tr.15-24.

đường lối giai cấp, phương châm, nguyên tắc xây dựng hợp tác hóa của Đảng.

Bên cạnh xây dựng hợp tác hóa nông nghiệp, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Chợ Đồn lần thứ IV, Chi bộ Đảng Thống lãnh đạo nhân dân tiến hành phát triển nông nghiệp lấy cây lúa, hoa màu làm chính. Công tác thủy lợi được đảm bảo, các biện pháp kỹ thuật chăm sóc đồng ruộng thực hiện tốt, có tác dụng nâng cao năng suất, sản lượng lương thực. Ngoài cây lúa, sản xuất hoa màu (ngô, khoai, sắn, đậu đỗ các loại) được mở rộng diện tích, năng suất, góp phần ổn định tình hình lương thực ở xã. Sản lượng thóc ở xã đạt khoảng 5-6 gánh thóc/1 bung (tương đương 1,8 tạ/bung).

Chăn nuôi gia súc, gia cầm trong các hợp tác xã phát triển mạnh. Nhiều hộ nuôi được từ 7-10 con trâu. Đàn gia cầm của xã cũng tăng nhanh về số lượng qua các năm.

Để đảm bảo đời sống sinh hoạt hàng ngày, nhiều hộ gia đình ở Đồng Thống đã tự kéo sợi, dệt vải may quần áo, tự cung tự cấp, chưa phát triển thành nghề thủ công.

Từ năm 1958-1960, Chi bộ Đảng Đồng Thống lãnh đạo nhân dân địa phương thực hiện tốt các công tác văn hóa, giáo dục, y tế.

Phong trào xóa nạn mù chữ tiếp tục được đẩy mạnh. Nhân dân trong xã cũng tích cực tham gia các lớp bồi tu văn hóa. Mỗi thôn đều có một lớp học. Một số giáo viên cấp I đã dạy học tích cực cho nhân dân, chủ yếu là học tối. Nhiều chị em phụ nữ ở Đồng Thống, nhờ có các lớp học

bổ túc văn hóa đã biết đọc, biết viết, tình trạng mù chữ ở xã đã giảm hẳn.

Nhằm nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho nhân dân, Chi bộ Đảng Đồng Thắng tích cực đẩy mạnh thông tin tuyên truyền, phát hành sách báo, phim ảnh, phong trào văn nghệ quần chúng. Các hoạt động văn hóa thông tin ở Đồng Thắng góp phần đáng kể vào việc nâng cao đời sống, nhận thức của nhân dân.

Với phương châm “phòng bệnh hơn chữa bệnh”, dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy Chợ Đồn, phòng y tế huyện, phong trào vệ sinh phòng bệnh ở xã được quan tâm chú trọng. Trạm xá xã được thành lập năm 1961, góp phần đảm bảo sức khỏe của nhân dân, việc vệ sinh ngõ xóm, vận động đào giếng, ăn chín uống sôi... liên tục được thực hiện đến mỗi thôn bản. Ý thức phòng bệnh trong nhân dân được nâng cao, đồng bào các dân tộc Đồng Thắng khi ốm đau đã biết dùng thuốc để chữa trị.

Qua công tác lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, Chi bộ Đảng Đồng Thắng đã củng cố và tăng cường năng lực cũng như hiệu quả lãnh đạo. Trong những năm 1958-1960, xã kết nạp thêm được 3 đảng viên. Để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của cách mạng trong giai đoạn mới, Chi bộ tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cán bộ, đảng viên. Việc học tập các chỉ thị, nghị quyết, chính sách của Đảng và Nhà nước được tổ chức thường xuyên. Bên cạnh đó, Chi bộ chú ý lãnh đạo củng cố, kiện toàn và phát huy vai trò của các

tổ chức Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ... trong việc vận động quần chúng thực hiện các kế hoạch hàng năm.

Những kết quả đạt được trong 3 năm cải tạo xã hội chủ nghĩa trên tất cả các mặt phát triển kinh tế, kiện toàn hệ thống chính trị, phát triển văn hóa giáo dục... là điều kiện quan trọng để Chi bộ và nhân dân các dân tộc Đồng Thắng bước vào thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất.

2. Đảng bộ xã Đồng Thắng được thành lập, lãnh đạo nhân dân thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961-1965)

Tháng 9-1960, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam diễn ra tại Thủ đô Hà Nội. Trên cơ sở đánh giá những thành tựu đã đạt được trong giai đoạn khôi phục kinh tế, bước đầu cải tạo quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa và phát triển kinh tế văn hóa, Đại hội đã đề ra hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới là: “Xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam, tiến tới thống nhất nước nhà”. Nhiệm vụ cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc được Đại hội cụ thể hóa bằng kế hoạch phát triển kinh tế 5 năm lần thứ nhất (1961-1965), thực hiện một bước công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, nhằm mục tiêu: “Phấn đấu xây dựng bước đầu cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, hoàn thiện công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, tiếp tục đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội”.

Cũng từ năm 1960, thực hiện chủ trương của Đảng, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện Chợ Đồn, Chi bộ Đảng Đồng Thắng đã chỉ đạo nhân dân thực hiện cuộc vận động cải cách dân chủ để thúc đẩy phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, phát triển sản xuất, củng cố nông thôn theo đường lối giai cấp nông thôn của Đảng. Xã Đồng Thắng được Huyện ủy chọn làm xã thí điểm cuộc vận động dân chủ để rút kinh nghiệm chỉ đạo. Việc tuyên truyền, tổ chức học tập cho nhân dân được triển khai sâu rộng, góp phần nâng cao nhận thức lập trường giai cấp trong cán bộ, đảng viên và nhân dân. Đồng thời, tạo nên không khí phấn khởi, củng cố niềm tin của nhân dân vào đường lối hợp tác hóa nông nghiệp của Đảng. Vai trò lãnh đạo của tổ chức Đảng ở địa phương được củng cố, thể hiện rõ là hạt nhân của tổ chức lãnh đạo ở địa phương, động viên mọi tầng lớp nhân dân phát huy vai trò làm chủ của mình.

Tháng 3-1963, để phù hợp với tình hình phát triển mới, Chi bộ Đồng Thắng đủ điều kiện được nâng cấp lên thành Đảng bộ 2 cấp. Đại hội Đảng bộ Đồng Thắng lần thứ I (nhiệm kỳ 1963-1965) được tổ chức. Trong phương hướng, nhiệm vụ phát triển mới, Đại hội xác định lấy công tác phát triển sản xuất nông nghiệp là trung tâm, trên cơ sở sản xuất phát triển đẩy mạnh các mặt công tác khác, xây dựng củng cố cơ sở. Với hệ thống tổ chức mới, Đảng bộ Đồng Thắng có điều kiện thuận lợi để đi sâu, bám sát tình hình trong từng thôn xóm và đẩy mạnh hơn nữa công tác giáo dục phát triển Đảng, đưa Đảng bộ lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng, nâng cao hiệu quả lãnh đạo

các phong trào của địa phương. Đại hội tiến hành bầu Ban Chấp hành Đảng bộ, đồng chí Dương Văn Thượng được bầu làm Bí thư Đảng bộ, đồng chí Nguyễn Đức Lân làm Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban hành chính xã.

Ngay sau thành công Đại hội Đảng bộ các cấp, được sự chỉ đạo của Huyện ủy Chợ Đồn, Đảng bộ Đồng Thắng tiến hành tổ chức các đợt học tập Văn kiện của Đại hội Đảng nhằm làm cho toàn thể đảng viên nhận thức một cách sâu sắc về đường lối của Đảng trong giai đoạn cách mạng mới. Từ đó xác định rõ ý thức trách nhiệm, quan điểm lập trường của mỗi đảng viên. Tiếp đến, Đảng ủy tiến hành đợt tuyên truyền giáo dục sâu rộng trong quần chúng. Trên cơ sở đó, động viên nhân dân khắc phục khó khăn, thi đua thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế, văn hóa và xây dựng cuộc sống mới ở địa phương.

Để thực hiện thành công kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất, Đảng bộ xã đã tiến hành nghiên cứu kỹ những điều kiện, đặc điểm của địa phương, tìm ra những thuận lợi, khó khăn, từ đó có cách thức tiến hành phù hợp. Thuận lợi là công cuộc hợp tác hóa nông nghiệp cơ bản hoàn thành thắng lợi, cơ sở vật chất được tăng cường, đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt; chính quyền và các đoàn thể quần chúng ngày càng được củng cố vững mạnh; Đảng bộ cũng trưởng thành một bước, trình độ chính trị, lập trường tư tưởng và tác phong công tác của đảng viên có những tiến bộ mới. Tuy nhiên, do việc xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật gặp nhiều khó khăn, thêm vào đó là sự yếu kém về năng lực quản lý khiến năng suất và hiệu quả

lao động của nhiều hợp tác xã còn thấp, thu nhập kém, ảnh hưởng đến đời sống nhân dân. Do vậy tình trạng xã viên “chân trong, chân ngoài” khá phổ biến. Trước tình hình đó, Đảng bộ huyện Chợ Đồn đã tập trung chỉ đạo các xã củng cố và phát triển hợp tác xã nông nghiệp, tăng cường cán bộ về giúp đỡ địa phương. Do đó, cuộc vận động xây dựng hợp tác hóa về cơ bản đã khắc phục được những khó khăn.

Từ năm 1961, hợp tác xã tín dụng và mua bán của xã Đồng Thắng có những bước chuyển biến mới. Hoạt động của hợp tác xã tín dụng Đồng Thắng diễn ra sôi nổi, đạt doanh số cao. Hợp tác xã mua bán phát triển nhanh, đóng góp nhiều cổ phần.

Để thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước: “Phải đi từ nông nghiệp tiến lên”, Đảng bộ và chính quyền xã Đồng Thắng thực hiện nhiều biện pháp nhằm đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp. Xác định công tác thủy lợi là biện pháp hàng đầu, xã huy động hàng nghìn ngày công đào đắp hệ thống mương máng, đắp bờ vùng, bờ thửa, xóa bỏ những thửa ruộng nhỏ bé để thuận tiện cho canh tác, thuận lợi cho việc thăm đồng, vận chuyển thóc lúa, phân bón và đáp ứng yêu cầu tưới tiêu nước cho các trà lúa ở những thời vụ khác nhau.

Cùng với công tác thủy lợi, nhân dân trong xã được huyện hướng dẫn áp dụng các biện pháp kỹ thuật cày sâu, cấy dày, gieo mạ thưa, làm cỏ nhiều lượt. Phong trào thanh niên làm phân bón ruộng được Đảng bộ xã chỉ đạo đã diễn ra khá sôi nổi, rộng khắp.

Với chủ trương đẩy mạnh sản xuất lương thực, Đảng bộ chỉ đạo nhân dân mở rộng diện tích trồng lúa ở những chân ruộng có thể làm hai vụ. Nhờ có những chủ trương và biện pháp tích cực của cấp ủy, mà diện tích, năng suất, sản lượng lúa, hoa màu qua các năm đều tăng.

Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng, Huyện ủy Chợ Đồn, Đảng bộ xã Đồng Thắng lãnh đạo nhân dân phát triển chăn nuôi nhằm bảo đảm đủ sức kéo, nguồn thực phẩm trên địa bàn và nguồn phân bón cho sản xuất nông nghiệp. Chăn nuôi gia súc, chủ yếu là trâu là một thế mạnh của xã, hợp tác xã Nà Vần là một trong những hợp tác xã tổ chức tốt việc nuôi trâu, bò, lợn và thả cá.

Sản xuất lâm nghiệp được Đảng bộ coi là một ngành kinh tế giữ vai trò quan trọng. Công tác tu bổ, bảo vệ rừng được địa phương triển khai, tuy chưa được đẩy mạnh nhưng cũng có vai trò nhất định. Việc trồng cây, gây rừng, phủ xanh đất trống, đồi trọc được nhân dân địa phương tích cực tham gia, góp phần hạn chế xói lở, bảo vệ môi trường sinh thái.

Song song với mặt trận sản xuất nông nghiệp được coi là hoạt động chính trong đời sống hàng ngày của nhân dân Đồng Thắng, Đảng bộ và chính quyền xã còn làm tốt các mặt công tác khác. Năm 1963, xã đón 14 hộ dân đi xây dựng kinh tế mới từ xã Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình lên khai hoang lập nghiệp. Đảng bộ Đồng Thắng đã chỉ đạo nhân dân đón tiếp, giúp đỡ đồng bào ổn định sản xuất và đời sống. Các hộ này được địa

phương phân về các bản: Nà Chang (5 hộ), Khau Chủ (5 hộ), Nà Văn (4 hộ).

Trên đà phát triển của kinh tế, công tác văn hóa, giáo dục, y tế có những thành tựu nổi bật.

Công tác giáo dục được chú trọng. Số học sinh đến trường ngày càng đông. Để nâng cao chất lượng dạy và học, Đảng bộ Đồng Thắng chú ý tập trung tăng cường chất lượng đội ngũ giáo viên và cơ sở vật chất kỹ thuật trong nhà trường. Các đợt thi đua dạy tốt, học tốt được phát động rộng rãi trong giáo viên và học sinh. Nhờ đó, số học sinh thi đỗ tốt nghiệp các cấp và số học sinh lên lớp hàng năm đều tăng lên. Trình độ học vấn của nhân dân được nâng lên một bước. Năm 1964, số người trong độ tuổi lao động ở xã không còn ai bị mù chữ. Đây là một thành tích đáng ghi nhận của công tác giáo dục ở Đồng Thắng.

Các hoạt động văn hóa, thông tin, tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, trình độ dân trí cho đồng bào các dân tộc được chú trọng. Xã đã tổ chức được các đội văn nghệ quần chúng thường xuyên xuyên biểu diễn phục vụ nhân dân. Các loại sách báo cũng được phát xuống để nhân dân đọc. Triển khai cuộc vận động cải tạo bụt tào mo then, chống mê tín dị đoan, giảm nhẹ ma chay, cưới xin, Đảng bộ Đồng Thắng đã chỉ đạo nhân dân thực hiện tốt bản quy ước sau khi được các cấp có thẩm quyền thông qua. Nhiều lễ cưới, kể cả trong ma chay được tiến hành theo nghi lễ mới, đơn giản, tiết kiệm nhưng vẫn trang trọng. Tình trạng đón thầy mo, thầy cúng khi có người ốm đau đã không còn.

Công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe ban đầu cho nhân dân được quan tâm, chỉ đạo. Đa số dân trong xã được tiêm phòng các bệnh sởi, lao, bạch hầu... Các lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ y tế được thường xuyên tổ chức. Công tác tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện vệ sinh thôn xóm, thực hiện “ba sạch” (ăn sạch, uống sạch, ở sạch); “ba diệt” (diệt ruồi, diệt muỗi và diệt chuột) được nhân dân hưởng ứng sôi nổi.

Phong trào thi đua thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất, công tác củng cố chính quyền nhân dân, giữ vững an ninh trật tự cũng luôn được Đảng bộ quan tâm. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III “Làm cho miền núi mạnh mẽ về quốc phòng”, Đảng bộ Đồng Tháp chú trọng lãnh đạo xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ. Công tác huấn luyện, bồi dưỡng chính trị, quân sự cho cán bộ, chiến sĩ, dân quân, tự vệ được quan tâm, chỉ đạo.

Trong 5 năm thực hiện các nhiệm vụ chính trị, Đảng bộ cũng có những bước trưởng thành nhanh chóng, đội ngũ cán bộ, đảng viên không ngừng tăng thêm về số lượng. Từ năm 1961-1965, Đảng bộ đã kết nạp 27 đảng viên, hầu hết là những đoàn viên, thanh niên ưu tú, hăng say công tác và nhiệt tình cách mạng. Để nâng cao chất lượng và năng lực lãnh đạo, chỉ đạo của đội ngũ cán bộ, đảng viên, xã cử nhiều đồng chí đi học các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, các lớp bổ túc văn hóa do cấp trên mở. Tuy nhiên, trình độ cán bộ, đảng viên còn chưa tương xứng với yêu cầu, nhiệm vụ của cách mạng trong giai

đoạn mới. Trong một số mặt công tác, sự lãnh đạo chỉ đạo của cán bộ còn nhiều lúng túng. Đây là một trong những nguyên nhân nảy sinh tư tưởng ngại khó, chán nản, muốn nghỉ ngơi... Những đảng viên thiếu gương mẫu, ngại khổ, ngại khổ, Đảng bộ cương quyết xử lý, kiểm điểm trước Đảng bộ hoặc đề nghị khai trừ Đảng nhằm làm cho Đảng bộ không chỉ đủ về số lượng mà còn đảm bảo chất lượng, xứng đáng là hạt nhân lãnh đạo các phong trào trong xã. Năm 1965, Đảng bộ xã Đông Viên¹ được công nhận là Đảng bộ “4 tốt”. Trong năm 1965, xã Đông Viên tổ chức Đại hội Đảng bộ lần thứ II (nhiệm kỳ 1965-1966). Đồng chí Dương Văn Thượng tiếp tục được bầu làm Bí thư.

Từ năm 1961-1965, các tổ chức đoàn thể, quần chúng tiếp tục được củng cố và phát huy vai trò tích cực đối với mọi hoạt động. Đoàn Thanh niên luôn phát huy tốt vai trò xung kích trong các phong trào làm phân bón, thủy lợi, cải tiến công cụ sản xuất, nghĩa vụ quân sự và bảo vệ trị an. Đồng thời, luôn đi tiên phong trong phong trào xóa nạn mù chữ, bổ túc văn hóa, vệ sinh phòng bệnh, chăm sóc giáo dục thiếu niên, nhi đồng. Hoạt động của Phụ nữ cũng có nhiều bước tiến mới, được coi là một trong những xã có nhiều hoạt động sôi nổi nhất trong huyện Chợ Đồn. Vai trò đầy mạnh sản xuất được Hội tích cực phát huy. Bên cạnh đó, vận động nhân dân áp dụng các biện pháp kỹ thuật trong sản xuất, phát triển chăn nuôi gia đình, thực hiện vệ sinh phòng bệnh... Mặt trận Tổ quốc xã luôn làm

1. Năm 1964, Đông Thăng được đổi tên lại thành xã Đông Viên.

tốt vai trò, chức năng, nhiệm vụ trong việc giáo dục, động viên các tầng lớp nhân dân thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Giữa lúc quân và dân miền Bắc đang ra sức thi đua sản xuất, sẵn sàng chiến đấu, chi viện cho cách mạng miền Nam, tháng 8-1964, đế quốc Mỹ dựng lên sự kiện Vịnh Bắc Bộ, lấy cớ để đưa không quân và hải quân đánh phá miền Bắc nước ta. Chúng đã tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất từ đầu tháng 2-1965, với ý đồ phá hoại công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc; ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc đối với miền Nam. Miền Bắc vừa là hậu phương, vừa là tiền tuyến lớn đánh trả cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ.

Trong tình hình mới, Đảng bộ Đồng Tháp chủ trương chuyển hướng xây dựng kinh tế phù hợp với tình hình chung của cả nước đang có chiến tranh, theo phương châm vừa xây dựng vừa chiến đấu, bảo vệ. Cùng với việc tổ chức cho cán bộ, đảng viên học tập quán triệt đường lối, chủ trương của Đảng về cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân ở miền Nam, hưởng ứng lời kêu gọi của Bác Hồ “Mỗi người làm việc bằng hai để đền đáp lại đồng bào miền Nam ruột thịt”. Quyết tâm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước đã trở thành ý chí và nguyện vọng của toàn thể cán bộ, đảng viên, nhân dân địa phương và được biểu thị bằng hành động cụ thể, hăng hái hưởng ứng phong trào thi đua lao động sản xuất, công tác, học tập và huấn luyện... thực hiện đóng góp nghĩa vụ lương thực, thực phẩm đủ số lượng, đúng thời hạn.

Qua 5 năm xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, nhân dân Đồng Thắng đã vượt qua khó khăn, đạt được nhiều thành tựu đáng khích lệ. Việc thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965) đã làm thay đổi diện mạo của quê hương, công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp đã cơ bản hoàn thành, bước đầu đã xây dựng cơ sở vật chất và tinh thần cho nhân dân, đóng góp nghĩa vụ đối với Nhà nước. Đặc biệt là sự phát triển mạnh mẽ, toàn diện cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức của Đảng bộ, góp phần vào sự thay đổi to lớn của tỉnh, huyện cũng như của miền Bắc xã hội chủ nghĩa, đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tổng kết tại Hội nghị chính trị đặc biệt, tháng 3-1964: Mười năm qua, miền Bắc nước ta đã tiến những bước dài chưa từng thấy trong lịch sử dân tộc; đất nước, xã hội, con người đều đổi mới. Những thành tích đạt được đã tạo cơ sở vững chắc để Đảng bộ và nhân dân xã Đồng Thắng tiếp tục vươn lên, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ sản xuất, sẵn sàng chiến đấu trong giai đoạn gay go quyết liệt của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

II. VỪA SẢN XUẤT, VỪA CHIẾN ĐẤU GÓP PHẦN CÙNG CẢ NƯỚC ĐÁNH THẮNG ĐỂ QUỐC MỸ, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1965-1975)

Trước âm mưu mở rộng chiến tranh ra miền Bắc của đế quốc Mỹ, Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 11 (tháng 3-1965), lần thứ 12 (tháng 12-1965) đã kịp thời đề ra chủ trương, chiến lược, phương châm và biện pháp cách mạng trong giai đoạn mới. Trung ương Đảng chỉ rõ nhiệm vụ

cấp bách của cách mạng miền Bắc lúc này là phải: “kịp thời chuyển hướng về tư tưởng và tổ chức, chuyển hướng này phải làm cho miền Bắc có đủ sức mạnh nhằm đáp ứng yêu cầu bảo vệ miền Bắc, chống lại các cuộc ném bom và phong tỏa của địch, sẵn sàng đối phó với tình hình địch mở rộng chiến tranh ở bất cứ mức độ nào, hết lòng hết sức chi viện cho miền Nam, đồng thời đáp ứng yêu cầu xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc”.

Quán triệt Nghị quyết của Trung ương và chủ trương của Tỉnh ủy, Đảng bộ huyện Chợ Đồn, năm 1966, Đảng bộ Đông Viên tổ chức Đại hội Đảng bộ xã lần thứ III, nhiệm kỳ 1966-1967. Đại hội đã quán triệt phương hướng, nhiệm vụ cụ thể của toàn Đảng bộ trong nhiệm kỳ mới theo tinh thần của Đại hội Đảng bộ huyện Chợ Đồn: “Kịp thời chuyển hướng lãnh đạo xây dựng và phát triển kinh tế, xã hội phù hợp với yêu cầu thời chiến, vừa phải đảm bảo hậu cần tại chỗ cho chiến tranh, vừa phải phù hợp với hướng lâu dài của công cuộc công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, đảm bảo vững chắc các yêu cầu thiết yếu về ăn, mặc, học hành và bảo vệ sức khỏe cho nhân dân các dân tộc”. Trên cơ sở đó, Đại hội đã đề ra mục tiêu, phương hướng cho nhiệm kỳ tới. Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ nhiệm kỳ mới, đồng chí La Văn Kỹ được bầu làm Bí thư Đảng bộ, đồng chí Ma Ngọc Lân làm Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban hành chính.

Trước tình hình Mỹ mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc, tăng cường trinh thám trên không phận Bắc

Kạn, Thái Nguyên để chuẩn bị đánh phá, thực hiện chỉ đạo của Huyện ủy Chợ Đồn, Đảng bộ Đông Viên đã lãnh đạo nhân dân xây dựng hầm hào phóng tránh máy bay địch bắn phá. Quán triệt chủ trương của Tỉnh ủy Bắc Thái¹, Đảng bộ Đông Viên chỉ đạo nhân dân tăng cường công tác phòng không nhằm bảo vệ an toàn tính mạng và tài sản của nhân dân, an toàn trong sản xuất. Các ban, ngành của xã cũng nhanh chóng chuyển mọi hoạt động từ thời bình sang thời chiến, nhưng vẫn đảm bảo các điều kiện học tập, làm việc.

Từ khi Mỹ cho máy bay ném bom Bắc Kạn, công tác phòng không, sơ tán nhằm tránh thiệt hại về người và của được Đảng bộ xã tập trung đẩy mạnh. Nhân dân được phát động đào hầm trú ẩn, nhanh chóng sơ tán, đảm bảo an toàn cho các cháu nhỏ và các cụ già. Công tác tuần tra canh gác kể cả ban đêm trở thành nhiệm vụ thường trực của lực lượng công an và dân quân tự vệ xã, do đó đã đảm bảo bí mật, an toàn tuyệt đối an toàn khu của Trung ương. Công tác xây dựng, huấn luyện dân quân tự vệ tiếp tục được tăng cường, đáp ứng yêu cầu chiến đấu, phục vụ chiến đấu, bảo vệ hậu phương và chi viện chiến trường. Cán bộ chỉ huy xã đội dân quân của xã có hai chỉ huy: một người phụ trách quân sự và một người phụ trách chính trị. Việc phát triển lực lượng theo đúng phương châm: vững mạnh, rộng khắp, lấy chất lượng là chính, số lượng thích hợp.

1. Ngày 1-7-1965, theo Quyết định của Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, 2 tỉnh Thái Nguyên và Bắc Kạn sáp nhập thành tỉnh Bắc Thái, thành phố Thái Nguyên là tỉnh lỵ tỉnh Bắc Thái.

Thực hiện quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, từ 1965-1969, Đảng bộ và nhân dân Đông Viên đã thực hiện tốt khẩu hiệu: “Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”. Ngay trong đợt tuyển quân năm 1965, nhiều con em Đông Viên lên đường tham gia bộ đội, cống hiến một phần máu xương của mình để giải phóng đất nước, quê hương.

Mặc dù trong điều kiện chiến tranh phá hoại gây nhiều khó khăn, trở ngại cho sản xuất, nhưng Đảng bộ và nhân dân Đông Viên vẫn nêu cao tinh thần cách mạng, quyết tâm giữ vững sản xuất, ổn định đời sống nhân dân, đáp ứng đầy đủ nhu cầu về lương thực, thực phẩm cho tiền tuyến. Đảng bộ tập trung chỉ đạo thực hiện cuộc vận động hai năm làm thủy lợi, áp dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật nông nghiệp, đẩy mạnh làm phân bón, cải tiến công cụ, tiếp tục cải tạo xã hội chủ nghĩa và tăng cường quan hệ sản xuất mới.

Năm 1967, Đại hội Đảng bộ xã Đông Viên lần thứ IV được tổ chức. Đại hội đã đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết trong nhiệm kỳ trước, đồng thời đề ra phương hướng, nhiệm vụ trong nhiệm kỳ mới. Đồng chí Nông Văn Kinh được bầu làm bí thư Đảng bộ.

Trong sản xuất nông nghiệp, đẩy mạnh sản xuất được coi là nhiệm vụ hàng đầu, đồng thời ra sức phát triển chăn nuôi, trồng cây công nghiệp, tu bổ và bảo vệ rừng, tạo nên cơ cấu kinh tế quan trọng, nhằm phát huy thế mạnh của xã miền núi: lương thực - chăn nuôi - nghề rừng. Từ năm 1965-1968, xã Đông Viên đã tích cực khai phá vùng đồi,

mở rộng diện tích trồng chè, đáp ứng căn bản cho nhu cầu dùng chè của địa phương.

Cánh đồng ở Đông Viên được Đảng bộ Chợ Đồn đánh giá cao, coi đó là trọng điểm phát triển cây lúa, từ đó, Đảng bộ đã vận động nhân dân biến các cánh đồng này thành cánh đồng có năng suất, sản lượng cao. Với phương châm: lấy thâm canh tăng năng suất, tăng vụ là chính, đồng thời tích cực mở rộng khai hoang phát triển ngành nghề, Đảng bộ Đông Viên tập trung lãnh đạo nhân dân mở rộng diện tích, áp dụng kỹ thuật để nâng cao năng suất, sản lượng. Năm 1966, hợp tác xã nông nghiệp Nà Vần đã nêu cao tinh thần trách nhiệm vận động thu mua lương thực tối đa trong xã viên.

Bên cạnh việc trồng lúa, công tác trồng rừng được chú trọng nhằm ngăn chặn việc khai thác rừng bừa bãi, tiếp tục phát động phong trào trồng cây gây rừng nhất là vào dịp đầu xuân. Ngoài tu bổ rừng, trồng cây lấy gỗ, xã còn trồng thêm các loại cây công nghiệp như: trâu, sỏ và trồng chè. Từ năm 1965-1968, thực hiện chủ trương của Đảng bộ huyện Chợ Đồn, Đông Viên liên tục khai phá vùng đồi để mở rộng diện tích trồng chè.

Cùng với việc trồng cây lương thực và hoa màu, từ năm 1965, Đảng ủy, chính quyền Đông Viên đã bước đầu quan tâm đến việc chăn nuôi gia súc. Chăn nuôi gia cầm phát triển khá tốt trong các hộ gia đình xã viên. Việc nuôi thả cá cũng có những tiến bộ nhất định.

Từ trung tuần tháng 7 đến giữa tháng 8-1968, do ảnh hưởng của cơn bão số 2, 3, 4, mưa to kéo dài với nhiều

trận lũ quét, gió mạnh đã gây thiệt hại lớn về mùa màng ở Đông Viên. Trước tình hình đó, Đảng bộ xã đã chỉ đạo nhân dân tích cực làm công tác thủy lợi, góp phần đảm bảo sản xuất, giữ vững sản lượng lương thực.

Năm 1968, xã tiếp tục đón tiếp các hộ lên xã xây dựng vùng kinh tế mới. Dưới sự giúp đỡ của nhân dân và các hợp tác xã ở địa phương, đồng bào miền xuôi đã dần ổn định sản xuất và đời sống.

Các hợp tác xã ở Đông Viên tích cực tham gia các phong trào thi đua thâm canh tăng năng suất cây trồng. Cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp kết hợp với việc khai hoang, định canh, định cư đã tạo nên bước chuyển biến mới, thu hút hơn 90% hộ dân trong xã tham gia vào hợp tác xã.

Trong bom đạn ác liệt của chiến tranh phá hoại, các hoạt động văn hóa, giáo dục, y tế cũng được Đảng bộ chú trọng. Công tác giáo dục được quan tâm thường xuyên. Mặc dù phải học tập trong điều kiện sơ tán và có nhiều khó khăn, thiếu thốn về mọi mặt, nhưng thầy và trò các trường vẫn cố gắng khắc phục, đảm bảo chất lượng dạy và học. Số học sinh các cấp vẫn tăng so với năm học trước, các lớp vỡ lòng tiếp tục được duy trì, số học sinh ngày càng tăng. Công tác bổ túc văn hóa cũng có nhiều chuyển biến. Đông Viên có nhiều thành tích về công tác nâng cao trình độ học vấn cho cán bộ, đảng viên. Trong điều kiện chiến tranh, Đảng bộ xã Đông Viên vẫn tích cực chỉ đạo công tác giáo dục, đáp ứng yêu cầu học tập của con em các dân tộc, góp phần quan trọng vào công cuộc xây

dụng hậu phương và cùng cả nước đẩy mạnh kháng chiến chống Mỹ.

Công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân ngày càng được cải thiện. Trong giai đoạn 1965-1968, trạm xá xã và đội ngũ cán bộ y tế xã đã làm tốt công tác phòng và chữa bệnh, phù hợp với điều kiện chiến tranh. Mặt khác, cán bộ y tế đã làm tốt công tác hướng dẫn cứu thương, tải thương để phục vụ chiến đấu và sản xuất. Nhờ đó, sức khỏe của quần chúng được đảm bảo. Năm 1968, phong trào “ba dứt điểm” được phổ biến rộng rãi trong nhân dân, nhiều gia đình đã hoàn thành ba công trình vệ sinh: hố tiêu, nhà tắm, giếng nước.

Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao được Đảng bộ, chính quyền quan tâm lãnh đạo. Các phong trào diễn ra sôi nổi và phát triển trong nhân dân, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần ngày càng cao.

Để nâng cao vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ, công tác xây dựng Đảng được Đảng bộ Đông Viên đặc biệt quan tâm và có chiều hướng chuyển biến tốt. Công tác phát triển đảng viên được duy trì thành nền nếp. Trong hơn 3 năm 1965-1968, Đảng bộ kết nạp được 9 đảng viên mới. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng nhằm nâng cao trình độ lý luận và nhận thức chính trị cho cán bộ và đảng viên được đẩy mạnh. Tuy còn hạn chế trong công tác lãnh đạo xây dựng Đảng bộ 4 tốt, củng cố phong trào hợp tác xã chưa thực sự vững chắc, chỉ đạo xây dựng kinh tế địa phương chưa toàn diện, nhưng những thành tích mà Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Đông Viên đạt

được trong 4 năm (1965-1968) đã giúp Đảng bộ có thêm kinh nghiệm để tiếp tục lãnh đạo thắng lợi mọi mặt công tác trong những năm tiếp theo. Với những thành tích trong lãnh đạo, Đảng bộ Đông Viên đạt tiêu chuẩn danh hiệu “4 tốt” trong 4 năm liên tiếp (1965-1968).

Cuối năm 1968, đế quốc Mỹ buộc phải ngừng ném bom, bắn phá miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra. Tranh thủ thời gian địch ngừng đánh phá, thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy Bắc Thái, Huyện ủy Chợ Đồn, Đảng bộ Đông Viên chỉ đạo nhân dân khôi phục và phát triển sản xuất, đẩy mạnh tốc độ xây dựng chủ nghĩa xã hội, tăng cường tiềm lực kinh tế, quốc phòng, đề cao cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu nếu đế quốc Mỹ thực hiện âm mưu phá hoại mới. Thực hiện Nghị quyết 175 của Bộ Chính trị và chủ trương của tỉnh, huyện, Đảng bộ Đông Viên tập trung lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ động viên tuyển quân, xây dựng lực lượng vũ trang, chi viện tiền tuyến, coi đây là công tác trọng tâm. Có thể thấy, trong suốt thời gian Mỹ ném bom phá hoại miền Bắc, Đông Viên luôn là xã thực hiện tốt khẩu hiệu “Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”. Mọi công tác, hoạt động của Đảng, đoàn thể ngày càng được đẩy mạnh, góp phần cùng nhân dân miền Bắc tạo ra một tiềm lực lớn về sức người, sức của cho cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam.

Trong những năm chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mỹ, dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy Bắc Thái, Huyện ủy Chợ Đồn và trực tiếp là Đảng ủy Đông Viên, cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xã đã đoàn kết

một lòng, góp phần cùng quân dân miền Bắc đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ; đồng thời, chiến thắng thiên tai, đẩy lùi cách làm ăn lạc hậu, giành thắng lợi trên mặt trận kinh tế, làm tròn nghĩa vụ đối với tiền tuyến lớn. Cùng với nhân dân miền Bắc, nhân dân Đông Viên tranh thủ thời gian hòa bình, khôi phục kinh tế, đẩy mạnh sản xuất, tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, đảm bảo đời sống nhân dân, tăng cường công tác xây dựng Đảng và thực hiện tốt nghĩa vụ của hậu phương lớn chi viện cho tiền tuyến miền Nam đánh thắng giặc Mỹ.

Giữa lúc nhân dân ta đang nỗ lực khôi phục kinh tế ở miền Bắc và đẩy mạnh kháng chiến chống Mỹ, cứu nước ở miền Nam thì ngày 2-9-1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời. Vĩnh biệt chúng ta, Người đã để lại cho Đảng ta, toàn thể đồng bào chiến sĩ hai miền Nam Bắc bản Di chúc thiêng liêng. Với lòng tưởng nhớ và biết ơn sâu sắc vị lãnh tụ của Đảng, người cha già kính yêu, Đảng bộ và nhân dân Đông Viên đã tổ chức lễ truy điệu Người tại trụ sở Ủy ban hành chính xã.

Biên đau thương thành hành động, ngay trong tháng 9-1969, Đảng ủy tổ chức đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong toàn Đảng bộ, học tập Di chúc thiêng liêng của Hồ Chủ tịch, quyết tâm thực hiện lời dặn thiêng liêng của Người “đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào”, giải phóng miền Nam thống nhất đất nước.

Thực hiện Chỉ thị của cấp trên về tiến hành Đại hội Đảng bộ các cấp, năm 1969, Đảng bộ xã Đông Viên tổ

chức Đại hội lần thứ V, nhiệm kỳ 1969-1973. Đại hội đã đánh giá những thành tích đạt được trong nhiệm kỳ 1967-1969 và đề ra phương hướng, nhiệm vụ trong 3 năm 1969 - 1973. Nghị quyết Đại hội chỉ rõ: Tập trung lãnh đạo nhân dân xây dựng thêm cơ sở vật chất của địa phương, đẩy mạnh sản xuất và tiếp tục đóng góp sức người, sức của để xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và chi viện cho tiền tuyến miền Nam. Phương hướng chủ yếu là tập trung trí tuệ lãnh đạo quần chúng khắc phục hậu quả chiến tranh, mạnh dạn tổ chức lại sản xuất, kiên quyết tạo ra bước chuyển biến thật sự trong cơ cấu kinh tế ở địa phương. Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa mới, đồng chí Nông Văn Kinh được bầu làm Bí thư Đảng bộ, đồng chí Nguyễn Đức Lân làm Phó Bí thư.

Quán triệt tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ đề ra, nhiệm vụ trọng tâm của Đảng bộ và nhân dân Đông Viên lúc này là dồn sức đẩy mạnh sản xuất lương thực, hoa màu. Trước hết, Đảng ủy xã chỉ đạo các hợp tác xã chấn chỉnh lại các đội sản xuất, cán bộ có năng lực được đưa về tăng cường cho đội sản xuất. Hợp tác xã tập trung nhân lực làm thủy lợi, cải tạo đồng ruộng, hệ thống mương phai, cống tưới tiêu và tu sửa đường giao thông. Đẩy mạnh phong trào làm phân bón, phát triển thêm bèo hoa dâu. Việc đẩy mạnh gieo trồng các loại hoa màu như: ngô, khoai, sắn, đỗ, lạc... để bổ sung nguồn lương thực và thực phẩm được Đảng bộ chú trọng. Với những biện pháp đồng bộ, tích cực đó, sản xuất nông nghiệp ở Đông Viên đạt được kết quả nhất định.

Công tác chăn nuôi tiếp tục được duy trì và phát triển. Một số hợp tác xã ở Đông Viên đã tổ chức nuôi dê, nhưng đàn dê phát triển chậm, chưa tương xứng với thế mạnh về tiềm năng chăn thả của địa phương. Riêng đàn lợn phát triển tốt ở cả khu vực chăn nuôi tập thể và hộ gia đình, hoàn thành nghĩa vụ thực phẩm với Nhà nước.

Để phát huy dân chủ và tăng cường chế độ làm chủ tập thể, các hợp tác xã ở Đông Viên phấn đấu thực hiện ba mục tiêu trên 500ha ruộng đất, bảo đảm mỗi héc ta gieo trồng 2 vụ đạt 5 tấn thóc, bình quân mỗi héc ta gieo trồng nuôi 2,2 con lợn và 1,3 lao động, nhằm cải thiện đời sống và bảo đảm yêu cầu lương thực cung cấp cho sự nghiệp chống Mỹ cứu nước. Tuy chưa đạt mục tiêu nói trên, song đã tạo được khí thế và phong trào lao động trong các hợp tác xã ở Đông Viên, bước đầu tạo được ý thức làm chủ trên lĩnh vực sản xuất đối với người lao động.

Thực hiện chủ trương của Huyện ủy Chợ Đồn về công tác thủy lợi, Đảng bộ xã Đông Viên đã lãnh đạo nhân dân tập trung lao động đắp kè, đóng cọc, trồng tre chống xói mòn, bảo vệ đồng ruộng. Nhiều kênh mương được đào đắp, đảm bảo nước tưới cho các cánh đồng trong xã.

Trồng rừng là một thế mạnh ở xã Đông Viên. Trong quá trình lãnh đạo, Đảng bộ xã cùng các đoàn thể quần chúng địa phương tích cực vận động nhân dân trồng cây, gây rừng, phủ xanh đất trống... Bên cạnh đó, chỉ đạo nhân dân trồng các cây công nghiệp: trâu, sỏ, và chè. Năm 1973, diện tích chè liên tục được mở rộng, các hợp tác xã

ở Đông Viên đã trồng được khoảng 2,3ha chè, góp phần nâng cao thu nhập cho nhân dân trong xã.

Cùng với lãnh đạo phát triển kinh tế, Đảng bộ xã Đông Viên đã có nhiều biện pháp để đẩy mạnh phát triển về văn hóa - xã hội, xây dựng Đảng, đoàn thể vững mạnh. Đối với sự nghiệp giáo dục của xã, thầy cô và học trò đã vượt lên những khó khăn của chiến tranh, yếu kém về cơ sở trường lớp. Với nỗ lực không ngừng của các thầy cô giáo và quyết tâm vượt khó của các em học sinh, hoạt động dạy và học ở địa phương từng bước đi vào ổn định.

Công tác y tế, vệ sinh phòng bệnh, tổ chức thực hiện cứu thương, điều trị khi máy bay Mỹ đánh phá được Đảng bộ xem là nhiệm vụ quan trọng. Các hợp tác xã đều tổ chức được một tổ cứu thương với trang bị, thuốc men cần thiết. Do đó, công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân được đảm bảo. Cán bộ y tế xã đã giúp nhân dân làm tốt công tác phòng và chữa bệnh. Mặt khác, cán bộ y tế đã làm tốt công tác hướng dẫn cứu thương, tải thương để phục vụ chiến đấu và sản xuất. Nhờ đó, sức khỏe của nhân dân trong xã được đảm bảo.

Hoạt động văn hóa thông tin cũng được đẩy mạnh. Hàng ngày, các thông tin quan trọng về công tác xây dựng, chiến đấu của nhân dân trong xã, trong huyện và nhân dân cả nước được cập nhật kịp thời, góp phần quan trọng vào việc cổ vũ, động viên nhân dân tiếp tục sản xuất, chiến đấu. Hoạt động văn nghệ của xã trong giai đoạn này đã thu hút được đông đảo thanh niên, phụ nữ tham gia các đội văn nghệ ở các thôn xóm.

Công tác xây dựng Đảng chú trọng đến việc nâng cao nhận thức tư tưởng cho đảng viên, tổ chức tốt các đợt sinh hoạt chính trị. Thông qua việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất, chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu với các phong trào cách mạng của quần chúng để củng cố tổ chức, nâng cao chất lượng đảng viên, Đảng bộ Đông Viên ngày một trưởng thành và vững mạnh.

Dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy Chợ Đồn, trực tiếp là Đảng bộ xã Đông Viên, giai đoạn 1969-1973, cán bộ và nhân dân xã Đông Viên đã phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng, thực hiện tốt chủ trương chuyên hướng xây dựng và phát triển kinh tế thời chiến, vừa sản xuất, vừa chiến đấu và phục vụ chiến đấu, xây dựng quê hương; tiếp tục đẩy mạnh sản xuất lương thực, phát triển chăn nuôi. Các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế được củng cố. Thực hiện tốt công tác quân sự địa phương, tổ chức tốt công tác phòng không nhân dân, xây dựng lực lượng dân quân mạnh, thực hiện tốt công tác tuyển quân và nhiệm vụ phục vụ chiến đấu. Cùng với cán bộ và nhân dân huyện Chợ Đồn, Đông Viên chuyên hướng phát triển kinh tế phù hợp với điều kiện chiến tranh. Những lớp thanh niên lại kế tiếp sự nghiệp của cha anh. Nhân dân xã Đông Viên đã góp phần xứng đáng vào chiến công chung của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân đánh thắng chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mỹ ở miền Nam, hai cuộc chiến tranh phá hoại của chúng ở miền Bắc, buộc đế quốc Mỹ phải tuyên bố ngừng hoàn toàn các hoạt động chống phá miền Bắc và ký Hiệp định Pa-ri ngày 27-1-1973, đơn phương rút quân khỏi miền Nam Việt Nam. Từ năm 1973, miền

Bắc Việt Nam trở lại hòa bình. Cán bộ, nhân dân xã Đông Viên bước vào giai đoạn mới, cùng toàn Đảng, toàn quân, toàn dân hoàn thành sự nghiệp giải phóng miền Nam thống nhất Tổ quốc.

Sau Hiệp định Pa-ri, ngày 29-3-1973, những tên lính viễn chinh cuối cùng phải rút khỏi miền Nam Việt Nam. Song đế quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn vẫn âm mưu phá hoại hiệp định, duy trì chế độ thực dân kiểu mới ở miền Nam, hòng chia cắt lâu dài đất nước ta.

Trước tình hình mới, nhiệm vụ trước mắt của nhân dân cả nước được xác định rõ: Tăng cường đoàn kết, luôn luôn đề cao cảnh giác, ra sức phấn đấu để củng cố những thắng lợi đã giành được, giữ vững hòa bình, hoàn thành độc lập, dân chủ ở miền Nam, tiến tới thống nhất Tổ quốc. Trong tình hình mới, cán bộ, đảng viên và nhân dân xã Đông Viên tập trung đẩy mạnh sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội.

Trong sản xuất nông nghiệp, nhân dân áp dụng tiến bộ của khoa học kỹ thuật, đẩy mạnh trong các khâu giống mới, phân bón và gieo cấy đúng tiến độ, kịp thời vụ. Phong trào hợp tác xã cơ bản ổn định về tổ chức, một nửa số tổ, đội sản xuất đạt tiêu chuẩn tiên tiến. Nhận thức rõ lợi ích trong mối quan hệ giữa trồng trọt và chăn nuôi, xã đã giao chỉ tiêu chăn nuôi cụ thể cho các hợp tác xã, gia đình xã viên, mỗi khẩu nông nghiệp ngoài diện tích trồng trọt còn nhận nuôi thêm lợn, gà. Các hợp tác xã đã xây dựng thêm chuồng trại, dành ruộng đất cho chăn nuôi tập thể.

Cùng với nhiệm vụ khôi phục và phát triển sản xuất nông nghiệp, hợp tác xã mua bán, hợp tác xã tín dụng cũng được củng cố và có nhiều tiến bộ. Hợp tác xã tín dụng thường xuyên gây quỹ, cho các hộ tư nhân vay vốn để phát triển chăn nuôi, làm kinh tế phụ gia đình. Hợp tác xã mua bán bằng nhiều cách đã dần mở rộng mạng lưới giao thương, trao đổi hàng hóa, thông qua các chợ đầu mối, cung cấp và phân phối nhiều mặt hàng thiết yếu cho nhân dân.

Năm 1973, Đảng bộ xã Đông Viên tiến hành Đại hội Đảng bộ xã lần thứ VI, nhiệm kỳ 1973-1975 nhằm kiểm điểm công tác lãnh đạo của Đảng bộ nhiệm kỳ trước và xây dựng phương hướng nhiệm vụ nhiệm kỳ mới: Tập trung mọi nỗ lực của toàn Đảng bộ, lãnh đạo thực hiện thành công nhiệm vụ sản xuất; nâng cao chất lượng các mặt công tác: giáo dục, y tế, củng cố lực lượng dân quân vững mạnh, sẵn sàng chiến đấu cao, giữ vững trật tự an ninh xã hội; phấn đấu hoàn thành vượt mức chỉ tiêu nghĩa vụ quân sự, góp phần tích cực vào sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, cùng cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Trong phiên họp đầu tiên của Ban Chấp hành Đảng bộ nhiệm kỳ mới, đồng chí Nông Văn Kinh được tín nhiệm bầu làm Bí thư, đồng chí Nguyễn Đức Lân¹ làm Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban hành chính, đồng chí Lương Văn Quốc làm Thường trực Đảng.

Bắt tay vào thực hiện kế hoạch phát triển năm 1974, Đảng bộ Đông Viên tập trung lãnh đạo, chỉ đạo với nhiều

1. Sau đó đồng chí Nguyễn Đức Lân lên thay làm Quyền Bí thư.

biện pháp tích cực nhằm động viên mọi khả năng, lực lượng tập trung vào đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp. Đảng bộ xã Đông Viên đã chỉ đạo quản lý, chấn chỉnh hoạt động hợp tác xã, đội sản xuất. Các biện pháp kỹ thuật, các giống lúa mới được áp dụng, công tác thủy lợi, làm phân bón, chăm sóc cây trồng đúng kỹ thuật được Ban Chủ nhiệm hợp tác xã chú trọng, hướng dẫn xã viên thực hiện.

Bước sang năm 1974, Đảng bộ và nhân dân Đông Viên cùng toàn huyện Chợ Đồn bắt tay vào thực hiện Nghị quyết 22 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và nhiệm vụ kế hoạch Nhà nước 2 năm 1974-1975 là: “Nhanh chóng hoàn thành việc hàn gắn vết thương chiến tranh, ra sức khôi phục và phát triển kinh tế, phát triển văn hóa, tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, củng cố chế độ xã hội chủ nghĩa về mọi mặt, ổn định tình hình kinh tế và đời sống nhân dân, củng cố quốc phòng, ra sức làm tròn nhiệm vụ đối với miền Nam anh hùng”.

Song song với việc chỉ đạo sản xuất, phát triển kinh tế, chính quyền xã đã chú ý tới các mặt văn hóa xã hội. Về giáo dục, trường cấp I tiếp tục giữ vững phong trào thi đua “2 tốt”. Công tác phòng bệnh, chữa bệnh chăm sóc sức khỏe cho nhân dân luôn được quan tâm. Trạm xá xã đã có giường bệnh, có cán bộ y tế thường xuyên phục vụ khám, chữa bệnh cho nhân dân và sinh đẻ của chị em phụ nữ. Công tác chăm sóc giáo dục thiếu niên nhi đồng được coi trọng. Phong trào vệ sinh “sạch làng tốt ruộng”, bảo

vệ sức khỏe đã trở thành nền nếp và ý thức tự giác của nhân dân Đông Viên. Ban văn hóa thông tin và đội văn nghệ hoạt động khá, đi sâu củng cố tốt các thông tin xóm, kịp thời tuyên truyền các tin tức về sản xuất, chiến đấu và xây dựng nếp sống mới.

Trong tình hình đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai ra sức phá hoại Hiệp định Pa-ri, âm mưu chia cắt lâu dài đất nước ta, cùng với nhân dân cả nước, cán bộ, đảng viên và nhân dân Đông Viên luôn hướng về miền Nam ruột thịt, ra sức thực hiện nhiệm vụ hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn. Nhiều thanh niên Đông Viên đã tình nguyện gia nhập quân đội, lên đường chiến đấu.

Chính sách hậu phương quân đội được các cấp quan tâm. Chính quyền cùng các đoàn thể thường xuyên chăm lo đời sống vật chất, tinh thần các gia đình chính sách trong các dịp lễ, tết, ưu tiên những công việc thích hợp, điều hòa lương thực, đảm bảo mức ăn của các gia đình chính sách. Những việc làm đó đã trở thành công tác thường xuyên của Đảng bộ.

Về công tác xây dựng Đảng, trong hơn 2 năm (1973-1975), Đảng bộ đã làm tốt công tác xây dựng và củng cố Đảng như: Thường xuyên cử cán bộ tham gia các lớp bồi dưỡng chính trị cho đảng viên do huyện tổ chức; các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên đều được Đảng bộ triển khai, quán triệt, bàn biện pháp thực hiện kịp thời.

Nhờ coi trọng công tác bồi dưỡng phát triển Đảng, giai đoạn 1973-1975, Đảng bộ đã kết nạp được nhiều đảng viên mới, hầu hết cán bộ, đảng viên trong toàn Đảng bộ đã

nêu cao vai trò tiên phong gương mẫu trong lao động sản xuất, xây dựng hợp tác xã, các lĩnh vực văn hóa - xã hội.

Cùng với thực hiện tốt công tác xây dựng Đảng, công tác củng cố, đổi mới hoạt động của chính quyền dân chủ nhân dân ngày một hiệu quả. Tháng 4-1975, đông đảo cử tri Đông Viên đi bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp. Qua đó, chính quyền xã được củng cố, kiện toàn và đi vào hoạt động có chất lượng, thường trực đều, chấp hành tốt các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên và pháp luật của Nhà nước.

Hoạt động của các đoàn thể trong Mặt trận Tổ quốc được chú trọng. Mặt trận Tổ quốc xã hoạt động tương đối tốt, phối hợp với các ban ngành, đoàn thể tổ chức thành công cuộc bầu cử, đẩy mạnh phong trào phụ lão 3 giỏi, cổ vũ các cụ tham gia phong trào trồng cây “đời đời nhớ ơn Bác Hồ”, tích cực chăn nuôi trâu, bò cho hợp tác xã, vận động con cháu tham gia chống Mỹ, cứu nước. Hội Phụ nữ gương mẫu trong lao động sản xuất, nuôi dạy con cái, tham gia phong trào thi đua “phụ nữ 3 đảm đang, giỏi việc nước đảm việc nhà”. Nhiều chị em là lao động tiên tiến của hợp tác xã. Đoàn viên thanh niên đã có ý thức tổ chức kỷ luật, gương mẫu trong lao động sản xuất và cải tiến kỹ thuật, xứng đáng thanh niên “ba sẵn sàng”, “Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước”; tham gia các công trường làm đường Chợ Đồn - Chợ Rã, xây dựng và bảo vệ ATK.

Trong những tháng cuối năm 1974, đầu năm 1975, miền Bắc tập trung khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế, ở miền Nam, bằng sức mạnh hiệp đồng binh chủng, các lực lượng vũ trang của quân

ta đã tiến công đánh chiếm thị xã Buôn Mê Thuật, giải phóng Tây Nguyên, thừa thắng tiến công giải phóng Huế, Đà Nẵng và các tỉnh Bắc Trung Bộ.

Năm vững thời cơ chiến lược, với phương châm “Thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng”, ngày 14-4-1975, Bộ Chính trị quyết định mở chiến dịch mang tên Hồ Chí Minh quyết tâm giải phóng miền Nam. Ngày 27-4-1975, chiến dịch mở màn, với khí thế thần tốc, táo bạo, đúng 11 giờ 30 phút ngày 30-4-1975, lá cờ giải phóng tung bay trên nóc Dinh Độc Lập. Tập đoàn nguy quyền đầu hàng, thành phố Sài Gòn và toàn miền Nam được giải phóng. Đất nước thống nhất, non sông thu về một mối, cả nước bước sang một trang sử mới - độc lập thống nhất cùng đi lên chủ nghĩa xã hội.

Trong 10 năm chiến đấu chống đế quốc Mỹ xâm lược, bảo vệ và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc (1965-1975), Đảng bộ và nhân dân xã Đông Viên không ngừng phấn đấu, phát huy sức mạnh tổng hợp, đẩy mạnh thi đua lao động sản xuất, khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội.

Hai mươi năm vừa chiến đấu chống Mỹ, cứu nước vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhân dân xã Đông Viên đã tích cực tham gia đóng góp sức người, sức của để giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Đã có nhiều thanh niên Đông Viên lên đường nhập ngũ vào miền Nam chiến đấu ở các chiến trường, 25 thanh niên xung phong, trong số ấy, rất nhiều người đã ngã xuống, hiến dâng đời mình cho Tổ quốc, được công nhận là liệt sỹ.

Đảng bộ, chính quyền và nhân dân xã Đông Viên hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, trước hết là có đường lối đúng đắn của Đảng, trực tiếp là Huyện ủy, Ủy ban hành chính huyện Chợ Đồn, giúp Đảng bộ, chính quyền vận dụng đúng đắn và sáng tạo vào thực tế địa phương, đồng thời có sự khích lệ từ phong trào thi đua yêu nước trong huyện, tỉnh, tạo đà cho Đông Viên vươn lên hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ được giao.

Từ thực tiễn lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động các phong trào cách mạng của quần chúng nhân dân, Đảng bộ Đông Viên ngày càng trưởng thành, phát triển. Đảng bộ luôn giữ vững khối đại đoàn kết thống nhất, đề cao dân chủ, kỷ luật. Chính quyền xã được xây dựng ngày càng vững mạnh, quản lý điều hành hiệu quả. Cán bộ, đảng viên trong toàn Đảng bộ đã nêu cao phẩm chất đạo đức cách mạng, gương mẫu trong tư tưởng và hành động, kịp thời đấu tranh khắc phục những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, mất đoàn kết nội bộ, giữ vững vai trò lãnh đạo.

Mặc dù gặp phải rất nhiều khó khăn, miền Bắc xã hội chủ nghĩa đã đạt được những thành tích có ý nghĩa quan trọng. Một hình thái kinh tế - xã hội mới được kiến lập, trong đó quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa chiếm vị trí chủ đạo. Đảng bộ, chính quyền và nhân dân xã Đông Viên tự hào, phấn khởi hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ, phát huy tốt những truyền thống và kinh nghiệm từ những năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, góp phần tích cực vào việc xây dựng quê hương Đông Viên, xây

dựng hậu phương lớn miền Bắc vững mạnh, chi viện cho tiền tuyến miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Những thành công và kinh nghiệm của 20 năm (1954-1975) là cơ sở để Đảng bộ và nhân dân xã Đông Viên thêm quyết tâm, tin tưởng, cùng Đảng bộ, nhân dân huyện Chợ Đồn và cả nước, tiếp tục thực hiện thành công mọi nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới - giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.



Chương IV

ĐẢNG BỘ XÃ ĐÔNG VIÊN LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC (1976-1985)

I. KHẮC PHỤC HẬU QUẢ CHIẾN TRANH, THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NHÀ NƯỚC 5 NĂM LẦN THỨ HAI (1976-1980)

Với đại thắng mùa xuân năm 1975, cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta đã kết thúc thắng lợi vẻ vang. Đây là một trong những chiến thắng lịch sử oanh liệt nhất, vẻ vang nhất của dân tộc Việt Nam, mở ra một kỷ nguyên mới: cả nước độc lập, thống nhất cùng đi lên chủ nghĩa xã hội.

Sau khi phân tích những đặc điểm của cách mạng nước ta, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 24 (khóa III) họp ngày 29-9-1975 đã xác định nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới là: Hoàn thành thống nhất nước nhà, đưa cả nước tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội. Miền Bắc phải tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; miền Nam phải đồng thời tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Sau giải phóng, bắt tay vào công cuộc hàn gắn vết thương chiến tranh, xây dựng và phát triển kinh tế, tạo dựng cơ sở vật chất và tinh thần cho xã hội mới, Đảng bộ và nhân dân Đông Viên đứng trước rất nhiều khó khăn, thử thách như: Hậu quả nặng nề của cuộc chiến tranh để lại; tình trạng nền kinh tế sản xuất nhỏ lẻ, lạc hậu; cơ sở vật chất kỹ thuật của nền sản xuất mới được xây dựng nhưng còn quá nhỏ bé; thiên tai, hạn hán thường xuyên xảy ra nên sản xuất bấp bênh; đời sống nhân dân còn nhiều thiếu thốn... Tuy nhiên, trải qua quá trình lãnh đạo nhân dân chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, chi viện cho chiến trường miền Nam và xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đảng bộ xã Đông Viên đã được rèn luyện và trưởng thành hơn. Cùng với đó, lòng tin của nhân dân đối với sự nghiệp cách mạng là những điều kiện thuận lợi để Đảng bộ và nhân dân Đông Viên thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

Ngày 5-5-1975, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Thái ra Nghị quyết số 40 phát động đợt thi đua: “Mừng đất nước Việt Nam hoàn toàn giải phóng”, dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy Chợ Đồn, Đảng bộ xã Đông Viên đã lãnh đạo nhân dân địa phương cùng với các cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn tổ chức lao động Xã hội chủ nghĩa, lao động ngoài giờ lấy tiền mua tư liệu sản xuất gửi tặng đồng bào miền Nam.

Năm 1975, Đảng bộ xã Đông Viên tổ chức Đại hội lần thứ VII, nhiệm kỳ 1975-1977. Đại hội đã đánh giá những thành tựu cũng như những hạn chế trong nhiệm kỳ trước,

đồng thời đề ra phương hướng, nhiệm vụ cho nhiệm kỳ 1975-1977. Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ xã, đồng chí Nguyễn Đức Lân được bầu làm Bí thư Đảng bộ.

Nhằm thực hiện việc thống nhất nước nhà về mặt nhà nước, ngày 25-4-1976, cử tri xã Đông Viên cùng hàng triệu cử tri cả nước tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội khóa VI (nhiệm kỳ 1976-1981). Trong kỳ họp đầu tiên diễn ra từ ngày 24-6 đến ngày 3-7-1976 tại Hà Nội, Quốc hội khóa VI đã thông qua chính sách đối nội và đối ngoại của đất nước, về nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới và quyết định đổi tên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thành nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Ủy ban hành chính các cấp thành Ủy ban nhân dân các cấp.

Quán triệt phương hướng chỉ đạo của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 24, Đảng bộ Đông Viên tập trung tinh thần, sức lực lãnh đạo nhân dân thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm trước mắt như thu hoạch nhanh, gọn vụ mùa 1975, hoàn thành thu mua lương thực, thực phẩm, đẩy mạnh sản xuất vụ đông và vụ xuân 1975 - 1976, tích cực làm công tác thủy lợi, phục vụ tốt cho sản xuất vụ xuân năm 1976.

Hòa chung với nhiệm vụ chiến lược cách mạng mới trong cả nước, tháng 4-1977, Đại hội Đảng bộ xã Đông Viên lần thứ VIII, nhiệm kỳ 1977-1979 được tổ chức. Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV, các nghị quyết chỉ đạo của tổ chức Đảng cấp trên, Đảng bộ Đông Viên đã tập trung trí tuệ phân tích rõ tình

hình, đặc điểm, tìm ra thế mạnh của địa phương nhằm đề ra phương hướng lãnh đạo nhân dân thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ hai (1976-1980). Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa mới do đồng Nguyễn Đức Lân giữ chức Bí thư Đảng bộ; đồng chí Ma Ngọc Lân làm Phó Bí thư - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

Trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, mặc dù thời tiết sương muối kéo dài, nhưng các hợp tác xã nông nghiệp chủ động áp dụng các biện pháp kỹ thuật, đưa giống mới vào gieo trồng, cấy dày, cấy kịp thời vụ, nên diện tích, năng suất, sản lượng đều đạt kết quả khá. Về củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất, qua các cuộc vận động, thực hiện Chỉ thị 192 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Nghị quyết 23, 24 của Ban Chấp hành Trung ương và Chỉ thị 208, 209 của Ban Bí thư về tổ chức lại sản xuất và đại hội nông dân tập thể các cấp, các hợp tác xã có nhiều chuyển biến trong hợp nhất hợp tác xã, quản lý kinh doanh, phát triển thêm ngành nghề...

Ngày 14-2-1976, Ban Thường vụ Huyện ủy ra Chỉ thị số 15 về đợt Phát động tháng chiến dịch mùa xuân ra quân sản xuất công tác lập thành tích chào mừng ngày hội lớn của Đảng và Nhà nước. Thực hiện chỉ thị của Huyện ủy, Đảng bộ xã Đông Viên tập trung chỉ đạo chính quyền, các ban ngành, đoàn thể tuyên truyền chủ trương đến với nhân dân địa phương. Cùng với các xã khác trong huyện, Đông Viên vừa tích cực trồng cây hoa màu, vừa chuyển sang kinh doanh nghề rừng và trồng cây công nghiệp.

Là xã có thể mạnh về chăn nuôi, nhất là chăn nuôi đại gia súc, Đảng bộ chỉ đạo nhân dân tập trung phát triển chăn nuôi. Đàn gia cầm được nuôi chủ yếu trong các hộ gia đình, ngày càng tăng về số lượng. Kết quả đạt được trong chăn nuôi đã đáp ứng căn bản nhu cầu sinh hoạt, phục vụ sản xuất của đồng bào.

Về ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, năm 1978, huyện Chợ Đồn đã tiến hành khảo sát thăm dò đất làm gạch, ngói ở địa bàn xã, do đó, giải quyết được một phần việc làm cho nhân dân địa phương, đồng thời tăng thêm thu nhập, cải thiện đời sống.

Thực hiện chủ trương của Huyện ủy về làm đường giao thông, phong trào làm đường giao thông nông thôn ở Đông Viên đã bước đầu được thực hiện. Phong trào làm cầu treo cũng được đẩy mạnh, cầu treo Đông Viên đã tạo điều kiện thuận lợi cho con em các dân tộc đi học, nhân dân đi khám chữa bệnh, vận chuyển hàng hóa...

Trong quá trình chỉ đạo sản xuất và tổ chức lại sản xuất, Đảng bộ Đông Viên luôn chú trọng đến công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên thông qua việc triển khai học tập Nghị quyết 130, Chỉ thị 290 của Bộ Chính trị về tự phê bình và phê bình trong Đảng. Trên cơ sở đó, Đảng bộ tiến hành phân loại đảng viên, rà soát đội ngũ cán bộ, củng cố xây dựng tổ chức Đảng từ Đảng ủy, Chi ủy đến các ban, ngành, đoàn thể. Ngày 1-3-1978, Đảng bộ huyện Chợ Đồn chỉ đạo thực hiện “Cuộc vận động thí điểm Thông tri số 22 của Ban Chấp hành Trung ương” tại 7 điểm (Đông Viên, Phương Viên,

Rã Bản, Ngọc Phái, Nghĩa Tá, Nam Cường và Trung tâm y tế huyện). Trong 3 bước đều phát động phong trào thi đua liên tục, lấy công tác trung tâm thực hiện nhiệm vụ chính trị của từng đơn vị như thực hiện Nghị quyết 61 của Hội đồng Chính phủ về tổ chức lại sản xuất, hợp nhất hợp tác xã, hoàn thành chỉ tiêu đông xuân, thực hiện 3 công trình vệ sinh... làm nội dung để kiểm tra tư cách đảng viên. Qua cuộc vận động, 9,4% đảng viên ở Đông Viên đã bị đưa ra khỏi Đảng. Qua đó nâng cao ý thức trách nhiệm, tạo sự chuyển biến tăng thêm sức mạnh cho cán bộ, đảng viên.

Trong 2 năm (1977-1978), song song với công tác chỉ đạo sản xuất, đảm bảo đời sống của nhân dân và hoàn thành nghĩa vụ lương thực đối với Nhà nước; Đảng bộ Đông Viên luôn chú trọng tới công tác xây dựng Đảng. Đẩy mạnh công tác giáo dục và bồi dưỡng lý luận chính trị, kiện toàn, củng cố tổ chức, phát triển đảng viên và thực hiện Thông tri số 22-TT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng. Qua đó ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm, vai trò tiên phong gương mẫu của đảng viên trong lao động sản xuất, khắc phục hậu quả thiên tai, chấp hành chính sách được nâng lên rõ rệt, nội bộ Đảng đoàn kết, quan hệ giữa Đảng và quần chúng gắn bó hơn.

Năm 1979, thực hiện chủ trương của Huyện ủy Chợ Đồn, xã Đông Viên tiếp tục đón 9 hộ dân từ Kiến Xương, Thái Bình lên xây dựng kinh tế mới. Các đồng chí trong Ban Chấp hành Đảng bộ gồm: Triệu Văn Hiệu, Ma Ngọc Lân đã trực tiếp đi đón, sau đó sắp xếp, giúp đỡ bà con ổn định cuộc sống ở các bản: Khuổi Tàn, Khuổi Vác.